

Số: *17* /TTr-UBND

Thái Nguyên, ngày *19* tháng *3* năm 2025

TỜ TRÌNH

**Về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh
thông qua kiện toàn tổ chức bộ máy; mức vốn điều lệ và Điều lệ tổ chức,
hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về Quỹ Phát triển đất;

Sau khi xem xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 119/TTr-STC ngày 07/3/2025, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết thông qua kiện toàn tổ chức bộ máy; mức vốn điều lệ và Điều lệ tổ chức, hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên (Quỹ) được thành lập tại Quyết định số 3135/QĐ-UBND ngày 22/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh trên cơ sở Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế mẫu về quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất. Quỹ chính thức đi vào hoạt động từ tháng 11/2012; Điều lệ tổ chức, hoạt động và quy chế quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất được ban hành kèm theo Quyết định số 39/2012/QĐ-UBND ngày 02/11/2012 của UBND tỉnh; sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Quyết định số 06/2018/QĐ-UBND ngày 28/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ngày 31/7/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 104/2024/NĐ-CP quy định về Quỹ Phát triển đất, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2024 và thay thế Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Trên cơ sở rà soát, một số nội dung về tổ chức, mức vốn điều lệ và hoạt động của Quỹ Phát triển đất thực hiện theo Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg đã không còn phù hợp, bên cạnh đó có sự thay đổi về mức vốn điều lệ so với thời điểm thành lập. Cụ thể:

1. Về tổ chức bộ máy

* Thực trạng tổ chức bộ máy:

- Địa vị pháp lý: Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên là tổ chức tài chính Nhà nước. Quỹ có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập, có bảng cân đối kế toán riêng, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các tổ chức tín dụng để hoạt động theo quy định pháp luật.

- Cơ cấu tổ chức bộ máy, gồm:

+ Hội đồng quản lý Quỹ: 07 thành viên hoạt động kiêm nhiệm.

+ Ban Kiểm soát: 03 thành viên hoạt động kiêm nhiệm.

+ Cơ quan điều hành nghiệp vụ có: Giám đốc, 01 Phó Giám đốc và 04 phòng nghiệp vụ (Hành chính - Tổng hợp; Tài chính - Kế toán; Nghiệp vụ 1; Nghiệp vụ 2) hoạt động chuyên trách. Tổng số người làm việc hiện nay tại Quỹ là 22 người. Trong đó có 07 viên chức, 14 hợp đồng lao động làm việc chuyên môn, 01 hợp đồng làm công việc phục vụ, hỗ trợ.

- Mô hình hoạt động: Bên cạnh thực hiện chức năng Quỹ Phát triển đất theo quy định, năm 2015 và 2016 Quỹ Phát triển đất được Ủy ban nhân dân tỉnh giao thực hiện nhiệm vụ *Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa* và các hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Thái Nguyên (tại Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ chưa quy định cụ thể mô hình hoạt động của Quỹ Phát triển đất địa phương).

* Theo đó, để phù hợp với quy định tại các Điều: 5, 8, 9, 10 và 11 trong Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ; cần sửa đổi, điều chỉnh một số nội dung về tổ chức bộ máy. Cụ thể như sau:

STT	Nội dung điều chỉnh, sửa đổi theo Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ	Căn cứ
1	Địa vị pháp lý: Quỹ phát triển đất là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập, hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước, không vì mục đích lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn. Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu, có tài khoản, hạch toán độc lập, có vốn điều lệ.	Điều 5 tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ
2	Cơ cấu tổ chức bộ máy, gồm: + Hội đồng quản lý Quỹ: 05 thành viên hoạt động kiêm nhiệm. + Ban Kiểm soát: 03 thành viên hoạt động kiêm nhiệm. + Cơ quan điều hành nghiệp vụ gồm: Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc; Kế toán trưởng và không quá 03 phòng (thực hiện chức năng hành chính và nghiệp vụ Quỹ) , hoạt động chuyên trách. Người làm việc tại cơ quan điều hành nghiệp vụ là viên chức.	Từ Điều 8 đến Điều 11 tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ
3	Mô hình hoạt động: Hoạt động theo mô hình độc lập.	Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP của Chính phủ

2. Về mức vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Quỹ khi thành lập là 300.000.000.000 đồng (quy định tại Quyết định số 3135/QĐ-UBND ngày 22/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh). Sau thời gian hoạt động, tổng số vốn điều lệ của Quỹ tính đến nay là: 1.008.734.400.897 đồng. Trong đó:

- Vốn ngân sách tỉnh đã cấp là: 1.008.109.000.000 đồng;
- Vốn bổ sung từ hoạt động là: 625.400.897 đồng.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 4 và điểm c, khoản 2 Điều 26 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP của Chính phủ, cần phải được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua mức vốn điều lệ sau khi có sự thay đổi tại thời điểm thành lập (300.000.000.000 đồng) và thời điểm Nghị định số 104/2024/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (1.008.734.400.897 đồng).

3. Về Điều lệ tổ chức và hoạt động

Điều lệ tổ chức và hoạt động Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên được ban hành tại Quyết định số 39/2012/QĐ-UBND ngày 02/11/2012 và sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 06/2018/QĐ-UBND ngày 28/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Căn cứ pháp lý để xây dựng, ban hành Quyết định 39/2012/QĐ-UBND và Quyết định 06/2018/QĐ-UBND là: Luật Đất đai năm 2003, Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế mẫu về quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất.

Đến nay, Luật Đất đai năm 2003 và Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg đã hết hiệu lực thi hành; do vậy, cần phải xây dựng Điều lệ mới, kịp thời thay thế Điều lệ cũ để đảm bảo phù hợp với quy định tại Luật Đất đai năm 2024 và Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ.

Căn cứ các nội dung trên và đối chiếu với các quy định hiện hành, việc ban hành Nghị quyết thông qua kiện toàn tổ chức bộ máy; mức vốn điều lệ và Điều lệ tổ chức, hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên là cần thiết, đúng trình tự thẩm quyền.

II. THẨM QUYỀN BAN HÀNH VĂN BẢN

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ. Cụ thể như sau:

Tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định: “2. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất do Hội đồng quản lý Quỹ phát triển đất trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. Trường hợp thay đổi mức vốn điều lệ, mô hình hoạt động của Quỹ phát triển đất thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua trước khi quyết định.”.

- Địa vị pháp lý: Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên là tổ chức tài chính Nhà nước. Quỹ có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập, có bảng cân đối kế toán riêng, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các tổ chức tín dụng để hoạt động theo quy định pháp luật.

- Cơ cấu tổ chức bộ máy, gồm:

+ Hội đồng quản lý Quỹ: 07 thành viên hoạt động kiêm nhiệm.

+ Ban Kiểm soát: 03 thành viên hoạt động kiêm nhiệm.

+ Cơ quan điều hành nghiệp vụ có: Giám đốc, 01 Phó Giám đốc và 04 phòng nghiệp vụ (Hành chính - Tổng hợp; Tài chính - Kế toán; Nghiệp vụ 1; Nghiệp vụ 2) hoạt động chuyên trách. Tổng số người làm việc hiện nay tại Quỹ là 22 người. Trong đó có 07 viên chức, 14 hợp đồng lao động làm việc chuyên môn, 01 hợp đồng làm công việc phục vụ, hỗ trợ.

- Mô hình hoạt động: Bên cạnh thực hiện chức năng Quỹ Phát triển đất theo quy định, năm 2015 và 2016 Quỹ Phát triển đất được Ủy ban nhân dân tỉnh giao thực hiện nhiệm vụ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và các hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Thái Nguyên (tại Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ chưa quy định cụ thể mô hình hoạt động của Quỹ Phát triển đất địa phương).

* Theo đó, để phù hợp với quy định tại các Điều: 5, 8, 9, 10 và 11 trong Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ; cần sửa đổi, điều chỉnh một số nội dung về tổ chức bộ máy. Cụ thể như sau:

STT	Nội dung điều chỉnh, sửa đổi theo Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ	Căn cứ
1	Địa vị pháp lý: Quỹ phát triển đất là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập, hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước, không vì mục đích lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn. Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu, có tài khoản, hạch toán độc lập, có vốn điều lệ.	Điều 5 tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ
2	Cơ cấu tổ chức bộ máy, gồm: + Hội đồng quản lý Quỹ: 05 thành viên hoạt động kiêm nhiệm. + Ban Kiểm soát: 03 thành viên hoạt động kiêm nhiệm. + Cơ quan điều hành nghiệp vụ gồm: Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc; Kế toán trưởng và không quá 03 phòng (thực hiện chức năng hành chính và nghiệp vụ Quỹ) , hoạt động chuyên trách. Người làm việc tại cơ quan điều hành nghiệp vụ là viên chức.	Từ Điều 8 đến Điều 11 tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ
3	Mô hình hoạt động: Hoạt động theo mô hình độc lập.	Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP của Chính phủ

2. Về mức vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Quỹ khi thành lập là 300.000.000.000 đồng (*quy định tại Quyết định số 3135/QĐ-UBND ngày 22/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh*). Sau thời gian hoạt động, tổng số vốn điều lệ của Quỹ tính đến nay là: 1.008.734.400.897 đồng. Trong đó:

- Vốn ngân sách tỉnh đã cấp là: 1.008.109.000.000 đồng;
- Vốn bổ sung từ hoạt động là: 625.400.897 đồng.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 4 và điểm c, khoản 2 Điều 26 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP của Chính phủ, cần phải được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua mức vốn điều lệ sau khi có sự thay đổi tại thời điểm thành lập (300.000.000.000 đồng) và thời điểm Nghị định số 104/2024/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (1.008.734.400.897 đồng).

3. Về Điều lệ tổ chức và hoạt động

Điều lệ tổ chức và hoạt động Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên được ban hành tại Quyết định số 39/2012/QĐ-UBND ngày 02/11/2012 và sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 06/2018/QĐ-UBND ngày 28/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Căn cứ pháp lý để xây dựng, ban hành Quyết định 39/2012/QĐ-UBND và Quyết định 06/2018/QĐ-UBND là: Luật Đất đai năm 2003, Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế mẫu về quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất.

Đến nay, Luật Đất đai năm 2003 và Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg đã hết hiệu lực thi hành; do vậy, cần phải xây dựng Điều lệ mới, kịp thời thay thế Điều lệ cũ để đảm bảo phù hợp với quy định tại Luật Đất đai năm 2024 và Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ.

Căn cứ các nội dung trên và đối chiếu với các quy định hiện hành, việc ban hành Nghị quyết thông qua kiện toàn tổ chức bộ máy; mức vốn điều lệ và Điều lệ tổ chức, hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên là cần thiết, đúng trình tự thẩm quyền.

II. THẨM QUYỀN BAN HÀNH VĂN BẢN

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ. Cụ thể như sau:

Tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định: *“2. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất do Hội đồng quản lý Quỹ phát triển đất trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. Trường hợp thay đổi mức vốn điều lệ, mô hình hoạt động của Quỹ phát triển đất thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua trước khi quyết định.”*

Tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định:
“1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo rà soát đối với Quỹ phát triển đất hiện có tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành; trường hợp cơ cấu tổ chức, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất chưa phù hợp với quy định tại Nghị định này thì kiện toàn tổ chức bộ máy, sửa đổi, bổ sung Quyết định thành lập, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ theo quy định tại Nghị định này để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sau khi được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua....”

Tại điểm c, khoản 2 Điều 26 quy định Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm:
“c) Thông qua mức vốn điều lệ, mô hình hoạt động của Quỹ phát triển đất trong trường hợp có thay đổi mức vốn điều lệ, mô hình hoạt động của Quỹ theo quy định tại Nghị định này”.

III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết gồm 2 Điều.

2. Nội dung cơ bản của Dự thảo Nghị quyết và Điều lệ tổ chức, hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên

(Có dự thảo Nghị quyết và tài liệu liên quan kèm theo)

Trên đây là Tờ trình về Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua kiện toàn tổ chức bộ máy; mức vốn điều lệ và Điều lệ tổ chức, hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên, UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị. / *ky*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Quỹ Phát triển đất tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

Tuanle/TTr.T3/12b

ky

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Loan

Số: /NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày..... tháng.....năm 202...

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua kiện toàn tổ chức bộ máy; mức vốn điều lệ và
Điều lệ tổ chức, hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHOÁ XIV, KỲ HỌP THỨ 27**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

*Căn cứ Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của
Chính phủ quy định về Quỹ Phát triển đất;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày.....tháng ... năm 202... của Ủy ban
nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành
Nghị quyết thông qua kiện toàn tổ chức bộ máy; mức vốn điều lệ và Điều lệ tổ
chức, hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của
Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng
nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kiện toàn tổ chức bộ máy; mức vốn điều lệ và Điều lệ tổ chức,
hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên với các nội dung chính như sau:

1. Tổ chức bộ máy

a) Địa vị pháp lý và tư cách pháp nhân

Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên là quỹ tài chính nhà nước ngoài
ngân sách, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên và do Ủy ban nhân dân
tỉnh Thái Nguyên quyết định thành lập, hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước,
không vì mục đích lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn. Quỹ Phát triển đất có tư
cách pháp nhân, có con dấu, có tài khoản, hạch toán độc lập, có vốn điều lệ.

b) Cơ cấu tổ chức bộ máy gồm:

- Hội đồng quản lý Quỹ có 05 thành viên, gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và
03 thành viên; hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

- Ban kiểm soát Quỹ có 03 thành viên, gồm: Trưởng ban và 02 thành viên; hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

- Cơ quan điều hành nghiệp vụ gồm: Giám đốc, không quá 02 Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và không quá 03 phòng (thực hiện chức năng hành chính và nghiệp vụ Quỹ); hoạt động theo chế độ chuyên trách. Người làm việc tại cơ quan điều hành nghiệp vụ là viên chức.

c) Mô hình hoạt động

Quỹ phát triển đất tỉnh Thái Nguyên hoạt động theo mô hình độc lập.

2. Mức vốn điều lệ

- Vốn điều lệ: 1.008.734.400.897 đồng (*Một nghìn không trăm linh tám tỷ bảy trăm ba mươi bốn triệu bốn trăm nghìn tám trăm chín mươi bảy đồng*).

- Vốn điều lệ được bổ sung hằng năm từ nguồn chênh lệch thu lớn hơn chi của Quỹ sau khi trích lập các quỹ và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật hoặc được cấp từ nguồn chi đầu tư phát triển của ngân sách địa phương (nếu có). Căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định mức vốn điều lệ bổ sung cấp cho Quỹ Phát triển đất.

- Quỹ Phát triển đất được mở tài khoản gửi tại Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên, Ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn tỉnh để quản lý vốn điều lệ của Quỹ.

3. Điều lệ tổ chức, hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên

a) Điều lệ tổ chức, hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên gồm các nội dung cơ bản sau:

- Tên gọi và nơi đặt trụ sở chính.
- Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân, chức năng, nguyên tắc hoạt động, người đại diện theo pháp luật.
- Nguồn vốn hoạt động.
- Nhiệm vụ, quyền hạn.
- Cơ cấu tổ chức và mô hình hoạt động.
- Số lượng, thành phần, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, Cơ quan điều hành nghiệp vụ; chế độ làm việc của Hội đồng quản lý.
- Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đối với các chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Quỹ Phát triển đất. Việc tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh hoạt động chuyên trách của Quỹ Phát triển đất.
- Việc quản lý vốn điều lệ và vốn huy động hợp pháp khác của Quỹ Phát triển đất tại Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn.

- Thẩm quyền, quy trình lập, tổng hợp, phê duyệt Kế hoạch ứng vốn từ Quỹ Phát triển đất; thẩm quyền quyết định ứng vốn từ Quỹ Phát triển đất; chế tài xử lý các vi phạm trong việc sử dụng, hoàn trả vốn ứng.

- Chế độ tài chính, quản lý tài sản, kế toán và kiểm toán.

- Mọi quan hệ và trách nhiệm giữa Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát và Giám đốc trong quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ Phát triển đất, giữa Quỹ Phát triển đất với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, giữa Quỹ Phát triển đất các tổ chức được ứng vốn.

- Các nội dung khác nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý Quỹ Phát triển đất.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ 27 thông qua ngày.....tháng năm 202...../.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV;
- Kiểm toán nhà nước Khu vực X;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Thái Nguyên, Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, nơi đặt trụ sở chính

- Tên gọi đầy đủ: Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên.
- Trụ sở chính: Số 17, đường Lương Thế Vinh, phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.
- Điện thoại: 02083656399
- Email: quyptdtn@gmail.com
- Website: qptd.thainguyen.gov.vn

Điều 2. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân, chức năng, người đại diện theo pháp luật của Quỹ Phát triển đất

- Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên (sau đây gọi tắt là Quỹ) là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, được thành lập theo Quyết định số 3135/QĐ-UBND ngày 02/12/2010 của UBND tỉnh Thái Nguyên, hoạt động độc lập với ngân sách Nhà nước, không vì mục đích lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn.
- Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu, có tài khoản, hạch toán độc lập, có vốn điều lệ.
- Quỹ có chức năng tiếp nhận, huy động vốn theo quy định, để thực hiện nhiệm vụ ứng vốn và được hoàn trả vốn ứng theo quy định tại Điều lệ này và Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ quy định về Quỹ Phát triển đất (sau đây gọi tắt là Nghị định số 104/2024/NĐ-CP) và pháp luật có liên quan.
- Người đại diện theo pháp luật là Giám đốc Quỹ.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ Phát triển đất

- Quỹ hoạt động theo nguyên tắc bảo toàn, phát triển vốn và không vì mục đích lợi nhuận.

2. Việc sử dụng vốn điều lệ và vốn hợp pháp khác của Quỹ phải đúng mục đích, công khai, minh bạch, hiệu quả và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Quỹ Phát triển đất

1. Nhiệm vụ của Quỹ Phát triển đất

- a) Quản lý, bảo toàn và phát triển vốn.
- b) Thực hiện các nhiệm vụ ứng vốn theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền; thực hiện thu hồi vốn ứng theo quy định.
- c) Chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý tài chính, tài sản, kế toán, kiểm toán và các quy định khác có liên quan.
- d) Quyết định dừng, thu hồi vốn ứng khi phát hiện tổ chức được ứng vốn vi phạm quy định về sử dụng vốn ứng hoặc chậm hoàn trả vốn ứng.
- đ) Kiểm tra đối với việc sử dụng vốn ứng, thu hồi vốn ứng và xác định chi phí quản lý sử dụng vốn theo quy định tại Điều lệ này.
- e) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định; báo cáo đột xuất về tình hình quản lý, sử dụng vốn hoạt động của Quỹ theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.
- g) Thực hiện các nhiệm vụ khác được Ủy ban nhân dân tỉnh giao và pháp luật có liên quan.

2. Quyền hạn của Quỹ Phát triển đất

- a) Tổ chức quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ theo đúng mục tiêu và các nhiệm vụ được giao.
- b) Ban hành quy chế, quy trình nghiệp vụ để điều hành hoạt động của Quỹ.
- c) Kiểm tra việc tuân thủ mục đích sử dụng vốn ứng của dự án, nhiệm vụ được Quỹ ứng vốn.
- d) Xử lý theo thẩm quyền, hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm của tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng và hoàn trả vốn ứng.
- đ) Các quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Chương II

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT

Điều 5. Cơ cấu tổ chức và mô hình hoạt động

1. Cơ cấu tổ chức của Quỹ Phát triển đất gồm có:

- a) Hội đồng quản lý.
- b) Ban kiểm soát.
- c) Cơ quan điều hành nghiệp vụ.

2. Thành phần, nhiệm vụ, quyền hạn và chế độ làm việc của Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 8 Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Quỹ hoạt động theo mô hình độc lập, được nhận ủy thác quản lý các quỹ tài chính nhà nước khác của địa phương theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Hội đồng quản lý

1. Hội đồng quản lý do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập, có 05 (năm) thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên, trong đó:

a) Chủ tịch Hội đồng quản lý là Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý là Giám đốc Quỹ.

c) Các thành viên Hội đồng quản lý là lãnh đạo các sở, ngành liên quan đến lĩnh vực: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường. Việc bổ nhiệm, bãi nhiệm các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

d) Thành viên của Hội đồng quản lý không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của các thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

đ) Các thành viên của Hội đồng quản lý được bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển hoặc nghỉ hưu thì Hội đồng quản lý Quỹ báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kiện toàn theo quy định của pháp luật về công tác cán bộ.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý.

a) Quản lý và sử dụng nguồn vốn của Quỹ Phát triển đất theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ này; bảo toàn và phát triển vốn.

b) Ban hành hoặc sửa đổi Quy trình nghiệp vụ; Quy chế làm việc của Hội đồng quản lý; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và các Quy chế khác theo quy định tại Điều lệ này; phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản lý.

c) Giám sát, kiểm tra Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ Phát triển đất trong việc chấp hành chính sách, pháp luật và việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý.

d) Phê duyệt Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát; phê duyệt Kế hoạch tài chính năm, Báo cáo tài chính năm của Quỹ; thông qua Kế hoạch ứng vốn từ Quỹ Phát triển đất để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo thẩm quyền.

đ) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

e) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính năm của Quỹ.

h) Quyết định gia hạn thời gian hoàn trả vốn ứng đối với các dự án/nhiệm vụ đủ điều kiện gia hạn quy định tại Điều 15 Điều lệ này.

i) Quyết định việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các thành viên của Ban kiểm soát theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát.

k) Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng quản lý và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và pháp luật.

l) Được sử dụng con dấu của Quỹ Phát triển đất và Cơ quan điều hành nghiệp vụ để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý.

m) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao theo quy định của pháp luật.

3. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý

a) Hội đồng quản lý làm việc theo chế độ tập thể, quyết định những nội dung thuộc thẩm quyền. Hội đồng quản lý họp thường kỳ ít nhất 01 lần/năm, có thể họp đột xuất để giải quyết các vấn đề cần thiết, cấp bách của Quỹ.

b) Các cuộc họp của Hội đồng quản lý chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự. Trường hợp không tổ chức họp, việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản lý được thực hiện bằng văn bản.

c) Các kết luận của Hội đồng quản lý được thể hiện bằng nghị quyết hoặc quyết định.

d) Hội đồng quản lý quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số bằng biểu quyết, mỗi thành viên Hội đồng quản lý có một phiếu biểu quyết với quyền biểu quyết ngang nhau. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý có hiệu lực khi có trên 50% trong tổng số thành viên Hội đồng quản lý biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản có ý kiến tán thành. Trường hợp số phiếu bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc người chủ trì cuộc họp Hội đồng quản lý (trong trường hợp biểu quyết tại cuộc họp).

đ) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 7. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát giúp Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng quản lý kiểm soát hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật.

a) Ban kiểm soát có tối đa 03 thành viên, gồm: Đại diện lãnh đạo phòng chuyên môn Sở Tài chính làm Trưởng Ban; các thành viên khác là công chức thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và viên chức thuộc Quỹ Phát triển đất.

b) Thành viên Ban kiểm soát Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

c) Thành viên của Ban kiểm soát không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của các thành viên Hội đồng quản lý, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

2. Việc kiện toàn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Trưởng Ban Kiểm soát do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ; thành viên Ban kiểm soát do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định theo đề nghị của Trưởng ban kiểm soát Quỹ.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát

a) Trình Hội đồng quản lý phê duyệt quy chế, kế hoạch hoạt động; báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát và các báo cáo khác theo yêu cầu.

b) Kiểm tra, giám sát việc chấp hành chính sách pháp luật, Điều lệ, quy chế, quy trình của Quỹ theo quy định.

c) Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực của Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ trong việc quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ.

d) Thẩm định báo cáo tài chính của Quỹ theo quy định của pháp luật.

đ) Trình Hội đồng quản lý Quỹ lựa chọn đơn vị kiểm toán độc để kiểm toán báo cáo tài chính năm của Quỹ.

e) Thực hiện nhiệm vụ khác do Hội đồng quản lý Quỹ và Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

4. Ban kiểm soát hoạt động theo nguyên tắc tập thể, được tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ nhưng không có quyền biểu quyết. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ và pháp luật có liên quan về các nội dung, nhiệm vụ quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 8. Cơ quan điều hành nghiệp vụ

1. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ gồm: Giám đốc, không quá 02 (hai) Phó Giám đốc; Kế toán trưởng và 03 (ba) phòng nghiệp vụ, gồm: Phòng Hành chính - Tổng hợp; Phòng Nghiệp vụ 1; Phòng Nghiệp vụ 2.

a) Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Quỹ.

b) Phó Giám đốc Quỹ có nhiệm vụ giúp Giám đốc Quỹ điều hành hoạt động của Quỹ Phát triển đất theo phân công và ủy quyền; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

c) Kế toán trưởng Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán của Quỹ, giúp Giám đốc Quỹ giám sát tài chính tại Quỹ Phát triển đất theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền thực hiện các nhiệm vụ khác được quy định tại Luật Kế toán và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế và các văn bản hướng dẫn (nếu có).

d) Các phòng nghiệp vụ có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ giao.

2. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ hoạt động chuyên trách.

3. Người làm việc tại cơ quan điều hành nghiệp vụ là viên chức.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ:

a) Tổ chức điều hành hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ, các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

b) Trình Hội đồng quản lý ban hành hoặc sửa đổi quy chế hoạt động nghiệp vụ: Quy trình nghiệp vụ quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất; Quy chế làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ; Quy chế chi tiêu nội bộ.

c) Trình Hội đồng quản lý phê duyệt Kế hoạch tài chính năm, Báo cáo tài chính năm.

d) Tổng hợp, xây dựng Kế hoạch ứng vốn hằng năm, báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ thông qua, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Điều lệ này.

đ) Trực tiếp quản lý nguồn vốn hoạt động, tài sản của Quỹ theo đúng quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật có liên quan.

e) Xem xét, quyết định tạm dừng ứng vốn để thu hồi vốn ứng đối với các đơn vị có dự án sử dụng vốn ứng từ Quỹ sai quy định hoặc chậm hoàn trả theo cam kết trong phương án hoàn trả vốn ứng.

g) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác do Hội đồng quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

5. Việc tuyển dụng, quy hoạch; tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, viên chức của Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý công tác tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức.

Chương III

HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT

Điều 9. Vốn hoạt động của Quỹ Phát triển đất

1. Vốn hoạt động của Quỹ gồm:

a) Vốn điều lệ của Quỹ Phát triển đất: 1.008.734.400.897 đồng (*Bằng chữ: một nghìn không trăm linh tám tỷ bảy trăm ba mươi tư triệu bốn trăm nghìn tám trăm chín mươi bảy đồng*).

Vốn điều lệ bổ sung hằng năm cho Quỹ từ các nguồn sau:

- Nguồn chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có) của Quỹ sau khi trích lập các quỹ và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật.

- Nguồn chi đầu tư phát triển của ngân sách địa phương, được cấp theo quy định của pháp luật về đầu tư công và ngân sách nhà nước áp dụng đối với quỹ tài chính Nhà nước ngoài ngân sách và Nghị định số 104/2024/NĐ-CP.

- Các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

b) Vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, gồm: Vốn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước theo chương trình hoặc dự án viện trợ, tài trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định.

2. Vốn hoạt động của Quỹ được mở tài khoản gửi tại Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên, ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn tỉnh để quản lý. Vốn điều lệ của Quỹ chỉ được sử dụng thực hiện nhiệm vụ ứng vốn và được hoàn trả vốn ứng theo quy định, bảo đảm an toàn, hiệu quả.

Điều 10. Sử dụng vốn hoạt động của Quỹ Phát triển đất

1. Vốn hoạt động của Quỹ được sử dụng để:

a) Ứng vốn cho chủ đầu tư dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, đơn vị, tổ chức của Nhà nước được giao thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về nhà ở (trừ các dự án đầu tư bằng nguồn vốn không phải nguồn ngân sách nhà nước).

b) Ứng vốn cho tổ chức phát triển quỹ đất để tạo lập, phát triển quỹ đất tái định cư, tạo quỹ đất để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất nộp ngân sách Nhà nước.

c) Ứng vốn thực hiện các nhiệm vụ, mà văn bản pháp luật quy định nhiệm vụ đó được ứng từ Quỹ Phát triển đất.

d) Ứng vốn thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc ứng vốn, hoàn trả vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng; gia hạn, xử lý rủi ro vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng; chế tài xử lý vi phạm thực hiện theo quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15 và Điều 16 Điều lệ này.

Điều 11. Trình tự xây dựng, thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch ứng vốn và điều kiện ứng vốn từ Quỹ Phát triển đất

1. Trình tự xây dựng Kế hoạch ứng vốn

a) Các tổ chức thực hiện nhiệm vụ tại khoản 1 Điều 10 Điều lệ này căn cứ nhu cầu ứng vốn từ Quỹ Phát triển đất cho năm kế tiếp đăng ký Kế hoạch ứng vốn, gửi về Quỹ trước ngày 31/10 hằng năm.

b) Căn cứ nhu cầu ứng vốn tại điểm a khoản này, tiến độ thực hiện dự án, khả năng cân đối vốn của Quỹ, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ tổng hợp danh mục các dự án, nhiệm vụ đưa vào Kế hoạch ứng vốn năm sau và xây dựng dự thảo Kế hoạch ứng vốn gửi đến các thành viên Hội đồng quản lý xem xét cho ý kiến trước ngày 15/11 hằng năm.

c) Trên cơ sở ý kiến của các thành viên Hội đồng quản lý, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ tổng hợp, hoàn thiện văn bản Kế hoạch ứng vốn báo cáo Hội đồng quản lý xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 25/11 hằng năm.

2. Thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch ứng vốn

Căn cứ đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển đất, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định ban hành Kế hoạch ứng vốn. Thời gian ban hành Kế hoạch ứng vốn trước ngày 31/12 hằng năm để các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan làm cơ sở triển khai thực hiện.

3. Trong năm nếu phát sinh dự án, nhiệm vụ có nhu cầu ứng vốn từ Quỹ thì trình tự xây dựng, thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch ứng vốn bổ sung được thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Điều kiện ứng vốn

a) Có văn bản đề nghị ứng vốn của tổ chức được ứng vốn.

b) Có trong Kế hoạch ứng vốn năm đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

c) Dự án, nhiệm vụ đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt hoặc giao thực hiện.

d) Có phương án hoàn trả vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng được Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ thẩm định, trình cấp có thẩm quyền quyết định ứng vốn chấp thuận.

đ) Vốn hoạt động của Quỹ tại thời điểm ứng vốn đáp ứng được yêu cầu ứng vốn.

Điều 12. Thẩm quyền quyết định, trình tự, thủ tục thực hiện ứng vốn

1. Thẩm quyền quyết định ứng vốn:

a) Mức ứng vốn một lần không quá 5 (năm) tỷ đồng do Giám đốc Quỹ quyết định và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

b) Mức ứng vốn một lần trên 5 (năm) tỷ đồng đến 30 (ba mươi) tỷ đồng do Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định.

c) Mức ứng vốn một lần trên 30 (ba mươi) tỷ đồng, Giám đốc Quỹ báo cáo Hội đồng Quản lý Quỹ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện ứng vốn.

Trên cơ sở Kế hoạch ứng vốn đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, tổ chức được ứng vốn lập 01 bộ hồ sơ đề nghị ứng vốn gửi Quỹ Phát triển đất. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của tổ chức được ứng vốn về việc đề nghị ứng vốn (trong đó nêu rõ kế hoạch, tiến độ thực hiện khối lượng công việc; phương án hoàn trả vốn ứng; cam kết sử dụng vốn ứng đúng mục đích và hoàn trả vốn ứng đúng thời hạn): 01 bản chính.

Hồ sơ, tài liệu khác liên quan đến việc ứng vốn (như các Quyết định: phê duyệt chủ trương; phê duyệt dự án; phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công; phê duyệt dự toán...): 01 bản sao. Hồ sơ chỉ gửi đến Quỹ Phát triển đất 01 lần để sử dụng cho nhiều lần ứng vốn của dự án. Trong trường hợp hồ sơ dự án có phát sinh mới hoặc điều chỉnh, sửa đổi thì nộp bổ sung.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trên cơ sở Báo cáo thẩm định do phòng nghiệp vụ lập và được Ban Giám đốc Quỹ duyệt, Quỹ Phát triển đất trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này quyết định ứng vốn cho tổ chức được ứng vốn nếu đủ điều kiện. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện ứng vốn theo quy định, Quỹ có văn bản thông báo và trả lại hồ sơ cho tổ chức đề nghị ứng vốn.

4. Căn cứ quyết định ứng vốn từ Quỹ Phát triển đất của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ Phát triển đất triển khai ký Hợp đồng ứng vốn với tổ chức được ứng vốn.

Quỹ tiến hành lập chứng từ chuyển tiền gửi Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản thanh toán. Quỹ chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của tổ chức, đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của tổ chức được ứng vốn. Chậm nhất 01 ngày làm việc, Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại nơi Quỹ mở tài khoản chuyển tiền cho đối tượng thụ hưởng theo đề nghị của Quỹ Phát triển đất.

5. Việc giải ngân ứng vốn được thực hiện một lần hoặc nhiều lần trên cơ sở tiến độ thực hiện và nhu cầu ứng vốn của từng dự án, nhiệm vụ. Trường hợp thực hiện giải ngân ứng vốn nhiều lần cho cùng một dự án, nhiệm vụ thì tổ chức được ứng vốn có văn bản đề nghị ứng vốn và hồ sơ, tài liệu bổ sung có liên quan đến việc ứng vốn theo từng lần.

6. Trách nhiệm của tổ chức được ứng vốn

a) Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hồ sơ, tài liệu đề nghị ứng vốn, tài khoản nhận vốn ứng.

b) Sử dụng vốn ứng để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 10 Điều lệ này đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về việc sử dụng vốn ứng theo quy định của pháp luật. Không sử dụng vốn ứng thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 10 Điều lệ này vào mục đích khác.

c) Báo cáo kết quả sử dụng vốn ứng cho Quỹ Phát triển đất trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc sử dụng vốn ứng cho nội dung đã đề nghị.

d) Thực hiện trả chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ Phát triển đất theo quy định tại Điều 13 Điều lệ này.

đ) Thông báo cho cơ quan, người có thẩm quyền ban hành Quyết định hoàn trả vốn ứng cho Quỹ Phát triển đất và thực hiện hoàn trả vốn ứng cho Quỹ Phát triển đất theo quy định tại Điều 14 Điều lệ này.

7. Quỹ Phát triển đất có trách nhiệm kiểm tra đối với việc sử dụng vốn ứng từ Quỹ và thu hồi vốn ứng theo quy định.

Điều 13. Chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ Phát triển đất

1. Mức chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ bằng mức lãi suất áp dụng đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của Kho bạc Nhà nước tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong cùng thời kỳ.

2. Nguồn hoàn trả chi phí quản lý vốn ứng được tính trong chi phí khác thuộc tổng mức đầu tư của dự án hoặc bố trí trong dự toán chi đầu tư phát triển khác của nhiệm vụ được giao ứng vốn.

3. Chi phí quản lý vốn ứng được hoàn trả trước hoặc cùng thời gian hoàn trả vốn ứng.

Điều 14. Hoàn trả vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng cho Quỹ

1. Hoàn trả vốn, chi phí quản lý vốn ứng từ nguồn vốn của dự án

a) Đơn vị, tổ chức được ứng vốn lập hồ sơ đề nghị hoàn trả vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng cho Quỹ, gửi Kho bạc Nhà nước nơi tổ chức được ứng vốn mở tài khoản. Hồ sơ gồm:

- Giấy đề nghị hoàn trả vốn ứng cho Quỹ (trong đó nêu rõ số tiền ứng vốn từ Quỹ chưa hoàn trả, thời hạn ứng): 02 bản chính;

- Giấy rút vốn theo mẫu quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP: 02 bản chính. Đối với trường hợp gửi hồ sơ qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước, các thành phần hồ sơ phải được ký số theo quy định;

- Quyết định ứng vốn từ Quỹ; Quyết định giao kế hoạch vốn hằng năm của dự án (trong đó có số tiền hoàn trả vốn ứng cho Quỹ): 01 bản sao;

- Biên bản xác định vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng phải trả của Quỹ và tổ chức ứng vốn: 01 bản chính;

- Quyết định hoàn trả vốn ứng cho Quỹ của tổ chức ứng vốn được phê duyệt: 01 bản chính.

b) Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Kho bạc Nhà nước kiểm soát tính hợp pháp của hồ sơ do tổ chức được ứng vốn gửi; trường hợp đảm bảo đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước chuyển tiền cho Quỹ; trường hợp không đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước từ chối chuyển tiền.

Các nội dung khác về quy trình thủ tục giao dịch tại Kho bạc Nhà nước thực hiện theo quy định của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

c) Việc quyết toán dự án hoàn thành, thực hiện theo quy định của pháp luật về quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

2. Hoàn trả vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng trong trường hợp còn lại (không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này):

a) Căn cứ vào số tiền ứng vốn chưa hoàn trả cho Quỹ (bao gồm cả số tiền ứng vốn của kỳ trước nếu có và chi phí quản lý vốn ứng), thời hạn ứng và phương án hoàn trả vốn ứng cho Quỹ, tổ chức được ứng vốn báo cáo cấp có thẩm quyền của địa phương, để bố trí trong dự toán ngân sách chi đầu tư phát triển khác của cấp tương ứng để hoàn trả vốn ứng cho Quỹ.

b) Nguồn hoàn trả vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng cho Quỹ được bố trí trong dự toán chi đầu tư phát triển khác. Việc lập, thẩm định, phê duyệt dự toán ngân sách được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách Nhà nước.

c) Căn cứ dự toán ngân sách được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, tổ chức được ứng vốn lập hồ sơ đề nghị hoàn trả vốn ứng cho Quỹ, gửi Kho bạc Nhà nước. Hồ sơ gồm:

- Giấy đề nghị hoàn trả vốn ứng (trong đó nêu rõ số tiền ứng vốn từ Quỹ chưa hoàn trả, thời hạn ứng): 02 bản chính;

- Giấy rút vốn theo mẫu quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP: 02 bản chính. Đối với trường hợp gửi hồ sơ qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước, các thành phần hồ sơ phải được ký số theo quy định;

- Quyết định giao dự toán ngân sách của cơ quan, người có thẩm quyền: 01 bản sao;

- Biên bản xác định vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng phải trả của Quỹ Phát triển đất và tổ chức ứng vốn: 01 bản chính;

- Quyết định hoàn trả vốn ứng của cơ quan, người có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ: 01 bản chính.

d) Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm c khoản này, Kho bạc Nhà nước kiểm soát tính hợp pháp của hồ sơ; trường hợp đảm bảo đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước chuyển tiền cho Quỹ; trường hợp không đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước từ chối chuyển tiền.

Các nội dung khác về quy trình thủ tục giao dịch tại Kho bạc Nhà nước thực hiện theo quy định của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

đ) Tổ chức được ứng vốn thực hiện quyết toán số tiền hoàn trả vốn ứng cho Quỹ cùng với quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm.

3. Trường hợp số tiền đã ứng nhưng chưa sử dụng hết (nếu có) phải hoàn trả cho Quỹ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hoàn thành việc sử dụng vốn ứng cho nội dung đã đề nghị nhưng không sử dụng hết.

4. Thời gian hoàn trả vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Quỹ và tổ chức được ứng vốn lập biên bản xác định số dư nợ vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng.

5. Trách nhiệm của các tổ chức liên quan đến quản lý, sử dụng, hoàn trả vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng.

a) Tổ chức nhận vốn ứng: Quản lý, sử dụng vốn ứng đúng mục đích, có trách nhiệm hoàn trả vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng theo đúng cam kết.

b) Kho bạc Nhà nước: Kiểm tra, kiểm soát, giám sát việc sử dụng vốn ứng và hoàn trả vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng cho Quỹ theo quy định.

Đối với các dự án ứng vốn từ Quỹ khi có nguồn hoàn trả từ dự án, Kho bạc Nhà nước chỉ được thanh toán cho các công trình, hạng mục khác sau khi tổ chức ứng vốn hoàn trả đầy đủ vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng cho Quỹ.

c) Quỹ Phát triển đất: Thông báo số vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng phải trả đến các tổ chức ứng vốn và Kho bạc Nhà nước (nơi tổ chức nhận vốn ứng mở tài khoản) để giám sát, thực hiện.

Điều 15. Gia hạn, xử lý rủi ro vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng

1. Gia hạn vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng

a) Điều kiện gia hạn vốn ứng: Vì lý do khách quan làm chậm tiến độ dự án/nhiệm vụ, dẫn đến hoàn trả vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng không đúng thời gian cam kết. Tổ chức được ứng vốn có văn bản đề nghị gia hạn, trong đó báo cáo chi tiết nguyên nhân chậm trả, gửi về Quỹ trước thời gian đến hạn hoàn trả ghi trong quyết định ứng vốn.

b) Thẩm quyền và thời gian gia hạn: Quỹ căn cứ văn bản đề nghị của tổ chức được ứng vốn, kiểm tra nội dung liên quan đến nguyên nhân chậm trả và trình Hội đồng quản lý xem xét, quyết định gia hạn. Thời gian gia hạn không quá thời gian thực hiện dự án/nhiệm vụ.

2. Xử lý rủi ro vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng

Trường hợp xảy ra thiên tai, địch họa hoặc lý do khách quan khác, làm ảnh hưởng đến việc hoàn trả vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng. Giám đốc Quỹ báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ và phối hợp với các sở, ngành báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

Điều 16. Chế tài xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng và hoàn trả vốn ứng

Các dự án/nhiệm vụ sử dụng vốn ứng từ Quỹ sai quy định; hoàn trả vốn ứng, chi phí quản lý ứng vốn không đúng thời gian cam kết mà không thuộc đối tượng quy định tại Điều 15 Điều lệ này thì Quỹ dừng ngay việc giải ngân vốn ứng đối với tất cả các dự án/nhiệm vụ có trong Kế hoạch ứng vốn mà tổ chức đó được giao làm chủ đầu tư, đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét xử lý trách nhiệm theo quy định.

Điều 17. Hoạt động nhận ủy thác của Quỹ Phát triển đất

Quỹ Phát triển đất được nhận ủy thác quản lý quỹ tài chính Nhà nước khác của địa phương theo quy định. Việc nhận ủy thác của Quỹ Phát triển đất thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP.

Chương IV

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN VÀ BÁO CÁO

Điều 18. Chế độ tài chính và quản lý, sử dụng tài sản của Quỹ Phát triển đất

1. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2. Chế độ tài chính của Quỹ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP.

3. Đất trụ sở của Quỹ thực hiện theo chế độ sử dụng đất áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 19. Các khoản thu, chi của Quỹ Phát triển đất

1. Các khoản thu gồm:

a) Khoản thu từ chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ theo quy định tại Điều 13 Điều lệ này.

b) Lãi tiền gửi theo quy định của pháp luật.

c) Khoản thu từ việc nhận ủy thác quản lý quỹ khác quy định tại khoản tại Điều 17 Điều lệ này.

d) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản chi gồm:

a) Chi phục vụ hoạt động ứng vốn, thu hồi vốn ứng, quản lý vốn hoạt động của Quỹ.

b) Chi tiền lương, các khoản phụ cấp và các khoản chi khác cho các thành viên Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ theo quy định áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Các khoản nộp ngân sách nhà nước và các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Hội đồng quản lý Quỹ có trách nhiệm ban hành quy chế chi tiêu nội bộ làm căn cứ thực hiện, quản lý việc chi tiêu của Quỹ.

4. Không sử dụng vốn điều lệ của Quỹ Phát triển đất để chi cho các nội dung quy định tại khoản 2, Điều này.

Chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có) sau khi trích lập các quỹ và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định được bổ sung vốn điều lệ của Quỹ.

5. Quỹ có trách nhiệm quyết toán các khoản thu, chi theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Chế độ kế toán, báo cáo

1. Quỹ thực hiện chế độ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán áp dụng cho quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, đảm bảo phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác, khách quan các hoạt động kinh tế, tài chính.

2. Hằng năm, Quỹ có trách nhiệm gửi báo cáo tài chính năm của Quỹ cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

Báo cáo tài chính năm của Quỹ được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật. Thời gian gửi báo cáo chậm nhất là 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Việc kiểm tra, giám sát, kiểm soát, thanh tra và kiểm toán đối với Quỹ được thực hiện theo Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật.

Chương V

MỐI QUAN HỆ VÀ TRÁCH NHIỆM

Điều 21. Mối quan hệ và trách nhiệm giữa Hội đồng quản lý Quỹ, Ban kiểm soát, Giám đốc Quỹ trong điều hành quản lý hoạt động của Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ là cơ quan trực tiếp lãnh đạo hoạt động của Quỹ để đạt được mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh giao thông qua việc ban hành các quy chế, quy định, phê duyệt các nội dung theo thẩm quyền. Phương thức lãnh đạo bằng Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ trong điều hành các nhiệm vụ cụ thể. Do đó, Quỹ phải thường xuyên báo cáo, xin ý kiến về các vấn đề cụ thể theo Quy chế làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ, tham mưu cho Hội đồng quản lý Quỹ chuẩn bị nội dung và tổ chức các phiên họp của Hội đồng quản lý Quỹ, tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Hoạt động của Quỹ chịu sự kiểm tra, giám sát thường xuyên và định kỳ của Ban kiểm soát Quỹ. Do đó, Quỹ chủ động cung cấp đầy đủ các báo cáo, hồ

sơ, chứng từ một cách kịp thời, minh bạch theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Trước các phiên họp của Hội đồng quản lý Quỹ, Quỹ chủ động phối hợp với Ban kiểm soát chuẩn bị các nội dung liên quan đến phiên họp của Hội đồng quản lý Quỹ. Kịp thời tổ chức thực hiện nghiêm túc các kiến nghị sau kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát Quỹ.

Điều 22. Mối quan hệ và trách nhiệm giữa Quỹ phát triển đất với các cơ quan quản lý nhà nước

1. Với Hội đồng nhân dân tỉnh

a) Là mối quan hệ chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh về thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và quy định của pháp luật trong hoạt động của Quỹ.

b) Quỹ có trách nhiệm cung cấp đầy đủ số liệu, báo cáo tình hình tài chính, hoạt động của Quỹ theo yêu cầu.

2. Với Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Là mối quan hệ chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh giao thuộc chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của Quỹ.

b) Quỹ có trách nhiệm thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo về tình hình tài chính, hoạt động của Quỹ định kỳ hoặc đột xuất theo quy định.

3. Với các sở, ban, ngành

a) Là mối quan hệ phối hợp thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao của mỗi bên trên tinh thần hợp tác nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao, phục vụ sự phát triển chung của tỉnh.

b) Quỹ có trách nhiệm cung cấp thông tin theo yêu cầu quản lý của các cơ quan đơn vị đối với các nội dung công việc có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao.

c) Quỹ chịu sự kiểm tra, giám sát của một số cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành đối với hoạt động của Quỹ theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 23. Mối quan hệ giữa Quỹ Phát triển đất và các Tổ chức ứng vốn

Các Tổ chức nhận vốn ứng được xem như khách hàng trong đối tượng phục vụ của Quỹ. Do đó, Quỹ thường xuyên gắn kết, phổ biến thông tin kịp thời về các quy định, các cơ chế, chính sách, kế hoạch ứng vốn... để các Tổ chức được ứng vốn biết, phối hợp thực hiện. Quá trình ứng vốn và thu hồi vốn ứng phải thực hiện theo đúng các quy định trong Điều lệ này và pháp luật có liên quan. Quan hệ giữa Quỹ và các Tổ chức ứng vốn phải được xác lập bằng hợp đồng gắn với việc tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện hợp đồng và sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả. Kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý nếu phát hiện Tổ chức ứng vốn vi phạm quy định về sử dụng vốn và hoàn trả vốn ứng.

Chương VI

XỬ LÝ TRANH CHẤP, GIẢI THỂ QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT

Điều 24. Xử lý tranh chấp

Mọi tranh chấp giữa Quỹ với pháp nhân và thể nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Quỹ được xử lý theo pháp luật hiện hành.

Điều 25. Giải thể Quỹ phát triển đất

1. Trường hợp không cần thiết phải duy trì Quỹ thì cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ báo cáo Hội đồng quản lý trình Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng giải thể để tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh về phương án và tổ chức thực hiện giải thể Quỹ.

2. Quy trình giải thể Quỹ được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP.

Điều 26. Trách nhiệm của Quỹ phát triển đất và trách nhiệm của Hội đồng giải thể sau khi có quyết định giải thể

1. Trách nhiệm của Quỹ phát triển đất: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm của Hội đồng giải thể: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Xử lý chuyển tiếp

1. Các khoản ứng vốn đã được phê duyệt nhưng chưa giải ngân và hoàn trả vốn đã ứng, chi phí quản lý vốn ứng phát sinh trước ngày 01 tháng 8 năm 2024, thì tiếp tục thực hiện theo chủ trương, quyết định, đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Các khoản đã ứng vốn, chi phí quản lý vốn ứng (nếu có) theo dự án/nhiệm vụ chưa bố trí nguồn hoàn trả, các đơn vị ứng vốn lập dự toán báo cáo cấp có thẩm quyền để hoàn trả vốn theo quy định.

Điều 28. Quy trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, Quỹ rà soát, tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung Điều lệ cho phù hợp với quy định của pháp luật và thực tế hoạt động của Quỹ.

Điều 29. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2025.
2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Điều lệ này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.
3. Các tổ chức, cá nhân lợi dụng chức vụ, quyền hạn nhằm trục lợi; tham ô, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; cố ý làm trái gây thất thoát tiền và tài sản của Nhà nước trong hoạt động của Quỹ Phát triển đất thì tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật./.

Số: 119 /TTr-STC

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

Đề nghị ban hành Nghị quyết thông qua kiện toàn tổ chức bộ máy; mức vốn điều lệ và Điều lệ tổ chức, hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về Quỹ Phát triển đất;

Căn cứ Quyết định số 3135/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên.

Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 7415/UBND-KT ngày 14 tháng 12 năm 2024 về việc tham mưu, xây dựng các nội dung liên quan đến tổ chức, hoạt động Quỹ Phát triển đất tỉnh;

Để đảm bảo việc quản lý, tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên được đồng bộ, thống nhất với các quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP của Chính phủ; Sở Tài chính kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết thông qua kiện toàn tổ chức bộ máy; mức vốn điều lệ và Điều lệ tổ chức, hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên, với những nội dung sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên (Quỹ) được thành lập tại Quyết định số 3135/QĐ-UBND ngày 22/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh trên cơ sở Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành

Quy chế mẫu về quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất. Quỹ chính thức đi vào hoạt động từ tháng 11/2012; Điều lệ tổ chức, hoạt động và quy chế quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất được ban hành kèm theo Quyết định số 39/2012/QĐ-UBND ngày 02/11/2012 của UBND tỉnh; sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Quyết định số 06/2018/QĐ-UBND ngày 28/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ngày 31/7/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 104/2024/NĐ-CP quy định về Quỹ Phát triển đất, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2024 và thay thế Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ. Một số nội dung về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển đất thực hiện theo Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg đã không còn phù hợp, bên cạnh đó có sự thay đổi về mức vốn điều lệ so với thời điểm thành lập; do vậy, cần phải điều chỉnh, bổ sung và thay thế để phù hợp với quy định hiện hành. Cụ thể như sau:

1. Về tổ chức bộ máy

* Thực trạng tổ chức bộ máy:

- Địa vị pháp lý: Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên là tổ chức tài chính Nhà nước. Quỹ có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập, có bảng cân đối kế toán riêng, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các tổ chức tín dụng để hoạt động theo quy định pháp luật.

- Cơ cấu tổ chức bộ máy, gồm:

+ Hội đồng quản lý Quỹ: 07 thành viên hoạt động kiêm nhiệm.

+ Ban Kiểm soát: 03 thành viên hoạt động kiêm nhiệm.

+ Cơ quan điều hành nghiệp vụ có: Giám đốc, 01 Phó Giám đốc và 04 phòng nghiệp vụ (Hành chính - Tổng hợp; Tài chính - Kế toán; Nghiệp vụ 1; Nghiệp vụ 2) hoạt động chuyên trách. Tổng số người làm việc hiện nay tại Quỹ là 22 người. Trong đó có 07 viên chức, 14 hợp đồng lao động làm việc chuyên môn, 01 hợp đồng làm công việc phục vụ, hỗ trợ.

- Mô hình hoạt động: Bên cạnh thực hiện chức năng Quỹ Phát triển đất theo quy định, năm 2015 và 2016 Quỹ Phát triển đất được Ủy ban nhân dân tỉnh giao thực hiện nhiệm vụ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và các hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Thái Nguyên (tại Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ chưa quy định cụ thể mô hình hoạt động của Quỹ Phát triển đất địa phương).

* Theo đó, để phù hợp với quy định tại các Điều: 5, 8,9,10,11 trong Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ; cần sửa đổi, điều chỉnh một số nội dung về tổ chức bộ máy. Cụ thể như sau:

STT	Nội dung điều chỉnh, sửa đổi theo Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ	Căn cứ
1	Địa vị pháp lý: Quỹ phát triển đất là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập, hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước, không vì mục đích lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn. Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu, có tài khoản, hạch toán độc lập, có vốn điều lệ.	Điều 5 tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ
2	Cơ cấu tổ chức bộ máy, gồm: + Hội đồng quản lý Quỹ: 05 thành viên hoạt động kiêm nhiệm. + Ban Kiểm soát: 03 thành viên hoạt động kiêm nhiệm. + Cơ quan điều hành nghiệp vụ gồm: Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc; Kế toán trưởng và không quá 03 phòng (thực hiện chức năng hành chính và nghiệp vụ Quỹ) , hoạt động chuyên trách. Người làm việc tại cơ quan điều hành nghiệp vụ là viên chức.	Từ Điều 8 đến Điều 11 tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ
3	Mô hình hoạt động: Hoạt động theo mô hình độc lập.	Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP của Chính phủ

2. Về mức vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Quỹ khi thành lập là 300.000.000.000 đồng (*quy định tại Quyết định số 3135/QĐ-UBND ngày 22/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh*). Sau thời gian hoạt động, tổng số vốn điều lệ của Quỹ tính đến nay là: 1.008.734.400.897 đồng. Trong đó:

- Vốn ngân sách tỉnh đã cấp là: 1.008.109.000.000 đồng;
- Vốn bổ sung từ hoạt động là: 625.400.897 đồng.

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 và điểm c, khoản 2 Điều 26 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP của Chính phủ, để đảm bảo tính pháp lý và là cơ sở trong việc xây dựng các nội dung về tổ chức, hoạt động Quỹ Phát triển đất theo quy định hiện hành, cần phải được cấp có thẩm quyền thông qua mức vốn điều lệ sau khi có sự thay đổi tại thời điểm thành lập (300.000.000.000 đồng) và thời điểm Nghị định số 104/2024/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (1.008.734.400.897 đồng).

3. Về Điều lệ tổ chức và hoạt động

Điều lệ tổ chức và hoạt động Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên được ban hành tại Quyết định số 39/2012/QĐ-UBND ngày 02/11/2012 và sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 06/2018/QĐ-UBND ngày 28/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Căn cứ pháp lý để xây dựng, ban hành Quyết định 39/2012/QĐ-UBND và Quyết định 06/2018/QĐ-UBND là: Luật Đất đai năm 2003, Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế mẫu về quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất.

Đến nay, Luật Đất đai năm 2003 và Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg đã hết hiệu lực thi hành; do vậy, cần phải xây dựng Điều lệ mới, kịp thời thay thế Điều lệ cũ để đảm bảo phù hợp với quy định tại Luật Đất đai năm 2024 và Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ.

=> Xét thực trạng và đối chiếu với các quy định nêu trên, việc thông qua kiện toàn tổ chức bộ máy; mức vốn điều lệ và Điều lệ tổ chức, hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên là cần thiết, đúng trình tự thẩm quyền, đảm bảo tuân thủ theo quy định hiện hành.

II. THẨM QUYỀN BAN HÀNH VĂN BẢN

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ. Cụ thể như sau:

Tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định: *“2. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất do Hội đồng quản lý Quỹ phát triển đất trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. Trường hợp thay đổi mức vốn điều lệ, mô hình hoạt động của Quỹ phát triển đất thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua trước khi quyết định.”.*

Tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định: *“1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo và soát đối với Quỹ phát triển đất hiện có tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành; trường hợp cơ cấu tổ chức, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất chưa phù hợp với quy định tại Nghị định này thì kiện toàn tổ chức bộ máy, sửa đổi, bổ sung Quyết định thành lập, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ theo quy định tại Nghị định này để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sau khi được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua....”*

Tại điểm c, khoản 2 Điều 26 quy định Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm: *“c) Thông qua mức vốn điều lệ, mô hình hoạt động của Quỹ phát triển đất trong trường hợp có thay đổi mức vốn điều lệ, mô hình hoạt động của Quỹ theo quy định tại Nghị định này”.*

III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết gồm 02 Điều.

2. Nội dung cơ bản

Điều 1. Thông qua kiện toàn tổ chức bộ máy; mức vốn điều lệ và Điều lệ tổ chức, hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên, với các nội dung chính sau:

- Tổ chức bộ máy:
 - + Địa vị pháp lý và tư cách pháp nhân.
 - + Cơ cấu tổ chức bộ máy.
 - + Mô hình hoạt động.
- Nguồn vốn hoạt động, gồm:
 - + Vốn điều lệ: 1.008.734.400.897 đồng (*Một nghìn không trăm linh tám tỷ bảy trăm ba mươi bốn triệu bốn trăm nghìn tám trăm chín mươi bảy đồng*).
 - + Vốn huy động.
- Điều lệ tổ chức, hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên, gồm các nội dung cơ bản sau:
 - + Tên gọi và nơi đặt trụ sở chính.
 - + Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân, chức năng, nguyên tắc hoạt động, người đại diện theo pháp luật.
 - + Nguồn vốn hoạt động.
 - + Nhiệm vụ, quyền hạn.
 - + Cơ cấu tổ chức và mô hình hoạt động.
 - + Số lượng, thành phần, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, Cơ quan điều hành nghiệp vụ; chế độ làm việc của Hội đồng quản lý.
 - + Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, đối với các chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Quỹ Phát triển đất.
 - + Việc quản lý vốn điều lệ và vốn huy động hợp pháp khác của Quỹ Phát triển đất tại Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn.
 - + Thẩm quyền, quy trình lập, tổng hợp, phê duyệt Kế hoạch ứng vốn từ Quỹ Phát triển đất; thẩm quyền quyết định ứng vốn từ Quỹ Phát triển đất; chế tài xử lý các vi phạm trong việc sử dụng, hoàn trả vốn ứng.
 - + Chế độ tài chính, quản lý tài sản, kế toán và kiểm toán.

+ Mỗi quan hệ và trách nhiệm giữa Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát và Giám đốc trong quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ Phát triển đất; giữa Quỹ Phát triển đất với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, với các tổ chức được ứng vốn.

+ Các nội dung khác nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý Quỹ Phát triển đất.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

(Hồ sơ gửi kèm theo gồm các bản dự thảo: Điều lệ tổ chức, hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên; Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh).

Nội dung tham mưu trên đầy đủ cơ sở pháp lý theo đúng quy định của pháp luật; đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền và đủ điều kiện để ban hành theo quy định của pháp luật và quy chế làm việc; Sở Tài chính chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh và pháp luật về nội dung tham mưu.

Trên đây là nội dung Tờ trình đề nghị ban hành Nghị quyết thông qua kiện toàn tổ chức bộ máy; mức vốn điều lệ và Điều lệ tổ chức, hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên. Sở Tài chính kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Quỹ Phát triển đất tỉnh;
- Lưu: VT, QLNS.

GIÁM ĐỐC

Lê Kim Phúc



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-UBND

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**Về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh
thông qua kiện toàn tổ chức bộ máy; mức vốn điều lệ và Điều lệ tổ chức,
hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

*Căn cứ Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của
Chính phủ quy định về Quỹ Phát triển đất;*

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết
thông qua kiện toàn tổ chức bộ máy; mức vốn điều lệ và Điều lệ tổ chức, hoạt động
của Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên (Quỹ) được thành lập tại Quyết định
số 3135/QĐ-UBND ngày 22/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh trên cơ sở Quyết định
số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành
Quy chế mẫu về quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất. Quỹ chính thức đi vào hoạt
động từ tháng 11/2012; Điều lệ tổ chức, hoạt động và quy chế quản lý, sử dụng
Quỹ phát triển đất được ban hành kèm theo Quyết định số 39/2012/QĐ-UBND
ngày 02/11/2012 của UBND tỉnh; sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Quyết định
số 06/2018/QĐ-UBND ngày 28/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ngày 31/7/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 104/2024/NĐ-CP quy định về Quỹ Phát triển đất, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2024 và thay thế Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Trên cơ sở rà soát, một số nội dung về tổ chức, mức vốn điều lệ và hoạt động của Quỹ Phát triển đất thực hiện theo Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg đã không còn phù hợp, bên cạnh đó có sự thay đổi về mức vốn điều lệ so với thời điểm thành lập. Cụ thể:

1. Về tổ chức bộ máy

* Thực trạng tổ chức bộ máy:

- Địa vị pháp lý: Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên là tổ chức tài chính Nhà nước. Quỹ có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập, có bảng cân đối kế toán riêng, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các tổ chức tín dụng để hoạt động theo quy định pháp luật.

- Cơ cấu tổ chức bộ máy, gồm:

+ Hội đồng quản lý Quỹ: 07 thành viên hoạt động kiêm nhiệm.

+ Ban Kiểm soát: 03 thành viên hoạt động kiêm nhiệm.

+ Cơ quan điều hành nghiệp vụ có: Giám đốc, 01 Phó Giám đốc và 04 phòng nghiệp vụ (Hành chính - Tổng hợp; Tài chính - Kế toán; Nghiệp vụ 1; Nghiệp vụ 2) hoạt động chuyên trách. Tổng số người làm việc hiện nay tại Quỹ là 22 người. Trong đó có 07 viên chức, 14 hợp đồng lao động làm việc chuyên môn, 01 hợp đồng làm công việc phục vụ, hỗ trợ.

- Mô hình hoạt động: Bên cạnh thực hiện chức năng Quỹ Phát triển đất theo quy định, năm 2015 và 2016 Quỹ Phát triển đất được Ủy ban nhân dân tỉnh giao thực hiện nhiệm vụ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và các hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Thái Nguyên (tại Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ chưa quy định cụ thể mô hình hoạt động của Quỹ Phát triển đất địa phương).

* Theo đó, để phù hợp với quy định tại các Điều: 5, 8,9,10 và 11 trong Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ; cần sửa đổi, điều chỉnh một số nội dung về tổ chức bộ máy. Cụ thể như sau:

STT	Nội dung điều chỉnh, sửa đổi theo Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ	Căn cứ
1	Địa vị pháp lý: Quỹ phát triển đất là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập, hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước, không vì mục đích lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn. Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu, có tài khoản, hạch toán độc lập, có vốn điều lệ.	Điều 5 tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ

2	Cơ cấu tổ chức bộ máy, gồm: + Hội đồng quản lý Quỹ: 05 thành viên hoạt động kiêm nhiệm. + Ban Kiểm soát: 03 thành viên hoạt động kiêm nhiệm. + Cơ quan điều hành nghiệp vụ gồm: Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc; Kế toán trưởng và không quá 03 phòng (thực hiện chức năng hành chính và nghiệp vụ Quỹ) , hoạt động chuyên trách. Người làm việc tại cơ quan điều hành nghiệp vụ là viên chức.	Từ Điều 8 đến Điều 11 tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ
3	Mô hình hoạt động: Hoạt động theo mô hình độc lập.	Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP của Chính phủ

2. Về mức vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Quỹ khi thành lập là 300.000.000.000 đồng (*quy định tại Quyết định số 3135/QĐ-UBND ngày 22/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh*). Sau thời gian hoạt động, tổng số vốn điều lệ của Quỹ tính đến nay là: 1.008.734.400.897 đồng. Trong đó:

- Vốn ngân sách tỉnh đã cấp là: 1.008.109.000.000 đồng;
- Vốn bổ sung từ hoạt động là: 625.400.897 đồng.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 4 và điểm c, khoản 2 Điều 26 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP của Chính phủ, cần phải được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua mức vốn điều lệ sau khi có sự thay đổi tại thời điểm thành lập (300.000.000.000 đồng) và thời điểm Nghị định số 104/2024/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (1.008.734.400.897 đồng).

3. Về Điều lệ tổ chức và hoạt động

Điều lệ tổ chức và hoạt động Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên được ban hành tại Quyết định số 39/2012/QĐ-UBND ngày 02/11/2012 và sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 06/2018/QĐ-UBND ngày 28/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Căn cứ pháp lý để xây dựng, ban hành Quyết định 39/2012/QĐ-UBND và Quyết định 06/2018/QĐ-UBND là: Luật Đất đai năm 2003, Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế mẫu về quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất.

Đến nay, Luật Đất đai năm 2003 và Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg đã hết hiệu lực thi hành; do vậy, cần phải xây dựng Điều lệ mới, kịp thời thay thế

Điều lệ cũ để đảm bảo phù hợp với quy định tại Luật Đất đai năm 2024 và Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ.

Căn cứ các nội dung trên và đối chiếu với các quy định hiện hành, việc ban hành Nghị quyết thông qua kiện toàn tổ chức bộ máy; mức vốn điều lệ và Điều lệ tổ chức, hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên là cần thiết, đúng trình tự thẩm quyền.

II. THẨM QUYỀN BAN HÀNH VĂN BẢN

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ. Cụ thể như sau:

Tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định: *“2. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất do Hội đồng quản lý Quỹ phát triển đất trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. Trường hợp thay đổi mức vốn điều lệ, mô hình hoạt động của Quỹ phát triển đất thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua trước khi quyết định.”.*

Tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định: *“1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo và soát đối với Quỹ phát triển đất hiện có tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành; trường hợp cơ cấu tổ chức, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất chưa phù hợp với quy định tại Nghị định này thì kiện toàn tổ chức bộ máy, sửa đổi, bổ sung Quyết định thành lập, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ theo quy định tại Nghị định này để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sau khi được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua...”*

Tại điểm c, khoản 2 Điều 26 quy định Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm: *“c) Thông qua mức vốn điều lệ, mô hình hoạt động của Quỹ phát triển đất trong trường hợp có thay đổi mức vốn điều lệ, mô hình hoạt động của Quỹ theo quy định tại Nghị định này”.*

III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết gồm 2 Điều.

2. Nội dung cơ bản của Dự thảo Nghị quyết và Điều lệ tổ chức, hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên

(Có dự thảo Nghị quyết và dự thảo Điều lệ tổ chức, hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên kèm theo)

Trên đây là Tờ trình về Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua kiện toàn tổ chức bộ máy; mức vốn điều lệ và Điều lệ tổ chức, hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tài chính;
- Quỹ Phát triển đất tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Huy Dũng

Dự thảo

ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, nơi đặt trụ sở chính

- Tên gọi đầy đủ: Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên.
- Trụ sở chính: Số 17, đường Lương Thế Vinh, phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.
- Điện thoại: 02083656399
- Email: quyptdtn@gmail.com
- Website: qptd.thainguyen.gov.vn

Điều 2. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân, chức năng, người đại diện theo pháp luật của Quỹ Phát triển đất

- Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên (sau đây gọi tắt là Quỹ) là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, được thành lập theo Quyết định số 3135/QĐ-UBND ngày 02/12/2010 của UBND tỉnh Thái Nguyên, hoạt động độc lập với ngân sách Nhà nước, không vì mục đích lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn.
- Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu, có tài khoản, hạch toán độc lập, có vốn điều lệ.
- Quỹ có chức năng tiếp nhận, huy động vốn theo quy định, để thực hiện nhiệm vụ ứng vốn và được hoàn trả vốn ứng theo quy định tại Điều lệ này và Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ quy định về Quỹ Phát triển đất (sau đây gọi tắt là Nghị định số 104/2024/NĐ-CP) và pháp luật có liên quan.
- Người đại diện theo pháp luật là Giám đốc Quỹ.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ Phát triển đất

- Quỹ hoạt động theo nguyên tắc bảo toàn, phát triển vốn và không vì mục đích lợi nhuận.

2. Việc sử dụng vốn điều lệ và vốn hợp pháp khác của Quỹ phải đúng mục đích, công khai, minh bạch, hiệu quả và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Quỹ Phát triển đất

1. Nhiệm vụ của Quỹ Phát triển đất

- a) Quản lý, bảo toàn và phát triển vốn.
- b) Thực hiện các nhiệm vụ ứng vốn theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền; thực hiện thu hồi vốn ứng theo quy định.
- c) Chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý tài chính, tài sản, kế toán, kiểm toán và các quy định khác có liên quan.
- d) Quyết định dừng, thu hồi vốn ứng khi phát hiện tổ chức được ứng vốn vi phạm quy định về sử dụng vốn ứng hoặc chậm hoàn trả vốn ứng.
- đ) Kiểm tra đối với việc sử dụng vốn ứng, thu hồi vốn ứng và xác định chi phí quản lý sử dụng vốn theo quy định tại Điều lệ này.
- e) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định; báo cáo đột xuất về tình hình quản lý, sử dụng vốn hoạt động của Quỹ theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.
- g) Thực hiện các nhiệm vụ khác được Ủy ban nhân dân tỉnh giao và pháp luật có liên quan.

2. Quyền hạn của Quỹ Phát triển đất

- a) Tổ chức quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ theo đúng mục tiêu và các nhiệm vụ được giao.
- b) Ban hành quy chế, quy trình nghiệp vụ để điều hành hoạt động của Quỹ.
- c) Kiểm tra việc tuân thủ mục đích sử dụng vốn ứng của dự án, nhiệm vụ được Quỹ ứng vốn.
- d) Xử lý theo thẩm quyền, hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm của tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng và hoàn trả vốn ứng.
- đ) Các quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Chương II

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT

Điều 5. Cơ cấu tổ chức và mô hình hoạt động

1. Cơ cấu tổ chức của Quỹ Phát triển đất gồm có:

- a) Hội đồng quản lý.
- b) Ban kiểm soát.
- c) Cơ quan điều hành nghiệp vụ.

2. Thành phần, nhiệm vụ, quyền hạn và chế độ làm việc của Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ được thực hiện theo quy

định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 8 Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Quỹ hoạt động theo mô hình độc lập, được nhận ủy thác quản lý các quỹ tài chính nhà nước khác của địa phương theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Hội đồng quản lý

1. Hội đồng quản lý do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập, có 05 (năm) thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên, trong đó:

a) Chủ tịch Hội đồng quản lý là Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý là Giám đốc Quỹ.

c) Các thành viên Hội đồng quản lý là lãnh đạo các sở, ngành liên quan đến lĩnh vực: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường. Việc bổ nhiệm, bãi nhiệm các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

d) Thành viên của Hội đồng quản lý không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của các thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

đ) Các thành viên của Hội đồng quản lý được bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển hoặc nghỉ hưu thì Hội đồng quản lý Quỹ báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kiện toàn theo quy định của pháp luật về công tác cán bộ.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý.

a) Quản lý và sử dụng nguồn vốn của Quỹ Phát triển đất theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ này; bảo toàn và phát triển vốn.

b) Ban hành hoặc sửa đổi Quy trình nghiệp vụ; Quy chế làm việc của Hội đồng quản lý; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và các Quy chế khác theo quy định tại Điều lệ này; phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản lý.

c) Giám sát, kiểm tra Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ Phát triển đất trong việc chấp hành chính sách, pháp luật và việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý.

d) Phê duyệt Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát; phê duyệt Kế hoạch tài chính năm, Báo cáo tài chính năm của Quỹ; thông qua Kế hoạch ứng vốn từ Quỹ Phát triển đất để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo thẩm quyền.

đ) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt

động của Quỹ.

e) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính năm của Quỹ.

h) Quyết định gia hạn thời gian hoàn trả vốn ứng đối với các dự án/nhiệm vụ đủ điều kiện gia hạn quy định tại Điều 15 Điều lệ này.

i) Quyết định việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các thành viên của Ban kiểm soát theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát.

k) Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng quản lý và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và pháp luật.

l) Được sử dụng con dấu của Quỹ Phát triển đất và Cơ quan điều hành nghiệp vụ để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý.

m) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao theo quy định của pháp luật.

3. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý

a) Hội đồng quản lý làm việc theo chế độ tập thể, quyết định những nội dung thuộc thẩm quyền. Hội đồng quản lý họp thường kỳ ít nhất 01 lần/năm, có thể họp đột xuất để giải quyết các vấn đề cần thiết, cấp bách của Quỹ.

b) Các cuộc họp của Hội đồng quản lý chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự. Trường hợp không tổ chức họp, việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản lý được thực hiện bằng văn bản.

c) Các kết luận của Hội đồng quản lý được thể hiện bằng nghị quyết hoặc quyết định.

d) Hội đồng quản lý quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số bằng biểu quyết, mỗi thành viên Hội đồng quản lý có một phiếu biểu quyết với quyền biểu quyết ngang nhau. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý có hiệu lực khi có trên 50% trong tổng số thành viên Hội đồng quản lý biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản có ý kiến tán thành. Trường hợp số phiếu bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc người chủ trì cuộc họp Hội đồng quản lý (trong trường hợp biểu quyết tại cuộc họp).

đ) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 7. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát giúp Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng quản lý kiểm soát hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật.

a) Ban kiểm soát có tối đa 03 thành viên, gồm: Đại diện lãnh đạo phòng chuyên môn Sở Tài chính làm Trưởng Ban; các thành viên khác là công chức thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và viên chức thuộc Quỹ Phát triển đất.

b) Thành viên Ban kiểm soát Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

c) Thành viên của Ban kiểm soát không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của các thành viên Hội đồng quản lý, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

2. Việc kiện toàn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Trưởng Ban Kiểm soát do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ; thành viên Ban kiểm soát do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định theo đề nghị của Trưởng ban kiểm soát Quỹ.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát

a) Trình Hội đồng quản lý phê duyệt quy chế, kế hoạch hoạt động; báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát và các báo cáo khác theo yêu cầu.

b) Kiểm tra, giám sát việc chấp hành chính sách pháp luật, Điều lệ, quy chế, quy trình của Quỹ theo quy định.

c) Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực của Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ trong việc quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ.

d) Thẩm định báo cáo tài chính của Quỹ theo quy định của pháp luật.

đ) Trình Hội đồng quản lý Quỹ lựa chọn đơn vị kiểm toán độc để kiểm toán báo cáo tài chính năm của Quỹ.

e) Thực hiện nhiệm vụ khác do Hội đồng quản lý Quỹ và Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

4. Ban kiểm soát hoạt động theo nguyên tắc tập thể, được tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ nhưng không có quyền biểu quyết. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ và pháp luật có liên quan về các nội dung, nhiệm vụ quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 8. Cơ quan điều hành nghiệp vụ

1. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ gồm: Giám đốc, không quá 02 (hai) Phó Giám đốc; Kế toán trưởng và 03 (ba) phòng nghiệp vụ, gồm: Phòng Hành chính - Tổng hợp; Phòng Nghiệp vụ 1; Phòng Nghiệp vụ 2.

a) Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Quỹ.

b) Phó Giám đốc Quỹ có nhiệm vụ giúp Giám đốc Quỹ điều hành hoạt động của Quỹ Phát triển đất theo phân công và ủy quyền; chịu trách nhiệm trước

Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

c) Kế toán trưởng Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán của Quỹ, giúp Giám đốc Quỹ giám sát tài chính tại Quỹ Phát triển đất theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền thực hiện các nhiệm vụ khác được quy định tại Luật Kế toán và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế và các văn bản hướng dẫn (nếu có).

d) Các phòng nghiệp vụ có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ giao.

2. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ hoạt động chuyên trách.

3. Người làm việc tại cơ quan điều hành nghiệp vụ là viên chức.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ:

a) Tổ chức điều hành hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ, các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

b) Trình Hội đồng quản lý ban hành hoặc sửa đổi quy chế hoạt động nghiệp vụ: Quy trình nghiệp vụ quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất; Quy chế làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ; Quy chế chi tiêu nội bộ.

c) Trình Hội đồng quản lý phê duyệt Kế hoạch tài chính năm, Báo cáo tài chính năm.

d) Tổng hợp, xây dựng Kế hoạch ứng vốn hằng năm, báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ thông qua, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Điều lệ này.

đ) Trực tiếp quản lý nguồn vốn hoạt động, tài sản của Quỹ theo đúng quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật có liên quan.

e) Xem xét, quyết định tạm dừng ứng vốn để thu hồi vốn ứng đối với các đơn vị có dự án sử dụng vốn ứng từ Quỹ sai quy định hoặc chậm hoàn trả theo cam kết trong phương án hoàn trả vốn ứng.

g) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác do Hội đồng quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

5. Việc tuyển dụng, quy hoạch; tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, viên chức của Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý công tác tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức.

Chương III

HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT

Điều 9. Vốn hoạt động của Quỹ Phát triển đất

1. Vốn hoạt động của Quỹ gồm:

a) Vốn điều lệ của Quỹ Phát triển đất: 1.008.734.400.897 đồng (*Bằng chữ: một nghìn không trăm linh tám tỷ bảy trăm ba mươi tư triệu bốn trăm nghìn tám trăm chín mươi bảy đồng*).

Vốn điều lệ bổ sung hằng năm cho Quỹ từ các nguồn sau:

- Nguồn chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có) của Quỹ sau khi trích lập các quỹ và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật.

- Nguồn chi đầu tư phát triển của ngân sách địa phương, được cấp theo quy định của pháp luật về đầu tư công và ngân sách nhà nước áp dụng đối với quỹ tài chính Nhà nước ngoài ngân sách và Nghị định số 104/2024/NĐ-CP.

- Các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

b) Vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, gồm: Vốn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước theo chương trình hoặc dự án viện trợ, tài trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định.

2. Vốn hoạt động của Quỹ được mở tài khoản gửi tại Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên, ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn tỉnh để quản lý. Vốn điều lệ của Quỹ chỉ được sử dụng thực hiện nhiệm vụ ứng vốn và được hoàn trả vốn ứng theo quy định, bảo đảm an toàn, hiệu quả.

Điều 10. Sử dụng vốn hoạt động của Quỹ Phát triển đất

1. Vốn hoạt động của Quỹ được sử dụng để:

a) Ứng vốn cho chủ đầu tư dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, đơn vị, tổ chức của Nhà nước được giao thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về nhà ở (trừ các dự án đầu tư bằng nguồn vốn không phải nguồn ngân sách nhà nước).

b) Ứng vốn cho tổ chức phát triển quỹ đất để tạo lập, phát triển quỹ đất tái định cư, tạo quỹ đất để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất nộp ngân sách Nhà nước.

c) Ứng vốn thực hiện các nhiệm vụ, mà văn bản pháp luật quy định nhiệm vụ đó được ứng từ Quỹ Phát triển đất.

d) Ứng vốn thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc ứng vốn, hoàn trả vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng; gia hạn, xử lý rủi ro vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng; chế tài xử lý vi phạm thực hiện theo quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15 và Điều 16 Điều lệ này.

Điều 11. Trình tự xây dựng, thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch ứng vốn và điều kiện ứng vốn từ Quỹ Phát triển đất

1. Trình tự xây dựng Kế hoạch ứng vốn

a) Các tổ chức thực hiện nhiệm vụ tại khoản 1 Điều 10 Điều lệ này căn cứ nhu cầu ứng vốn từ Quỹ Phát triển đất cho năm kế tiếp đăng ký Kế hoạch ứng vốn, gửi về Quỹ trước ngày 31/10 hằng năm.

b) Căn cứ nhu cầu ứng vốn tại điểm a khoản này, tiến độ thực hiện dự án, khả năng cân đối vốn của Quỹ, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ tổng hợp danh mục các dự án, nhiệm vụ đưa vào Kế hoạch ứng vốn năm sau và xây dựng dự thảo Kế hoạch ứng vốn gửi đến các thành viên Hội đồng quản lý xem xét cho ý kiến trước ngày 15/11 hằng năm.

c) Trên cơ sở ý kiến của các thành viên Hội đồng quản lý, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ tổng hợp, hoàn thiện văn bản Kế hoạch ứng vốn báo cáo Hội đồng quản lý xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 25/11 hằng năm.

2. Thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch ứng vốn

Căn cứ đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển đất, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định ban hành Kế hoạch ứng vốn. Thời gian ban hành Kế hoạch ứng vốn trước ngày 31/12 hằng năm để các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan làm cơ sở triển khai thực hiện.

3. Trong năm nếu phát sinh dự án, nhiệm vụ có nhu cầu ứng vốn từ Quỹ thì trình tự xây dựng, thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch ứng vốn bổ sung được thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Điều kiện ứng vốn

a) Có văn bản đề nghị ứng vốn của tổ chức được ứng vốn.

b) Có trong Kế hoạch ứng vốn năm đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

c) Dự án, nhiệm vụ đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt hoặc giao thực hiện.

d) Có phương án hoàn trả vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng được Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ thẩm định, trình cấp có thẩm quyền quyết định ứng vốn chấp thuận.

đ) Vốn hoạt động của Quỹ tại thời điểm ứng vốn đáp ứng được yêu cầu ứng vốn.

Điều 12. Thẩm quyền quyết định, trình tự, thủ tục thực hiện ứng vốn

1. Thẩm quyền quyết định ứng vốn:

a) Mức ứng vốn một lần không quá 5 (năm) tỷ đồng do Giám đốc Quỹ quyết định và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

b) Mức ứng vốn một lần trên 5 (năm) tỷ đồng đến 30 (ba mươi) tỷ đồng do Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định.

c) Mức ứng vốn một lần trên 30 (ba mươi) tỷ đồng, Giám đốc Quỹ báo cáo Hội đồng Quản lý Quỹ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện ứng vốn.

Trên cơ sở Kế hoạch ứng vốn đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, tổ chức được ứng vốn lập 01 bộ hồ sơ đề nghị ứng vốn gửi Quỹ Phát triển đất. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của tổ chức được ứng vốn về việc đề nghị ứng vốn (trong đó nêu rõ kế hoạch, tiến độ thực hiện khối lượng công việc; phương án hoàn trả vốn ứng; cam kết sử dụng vốn ứng đúng mục đích và hoàn trả vốn ứng đúng thời hạn): 01 bản chính.

Hồ sơ, tài liệu khác liên quan đến việc ứng vốn (như các Quyết định: phê duyệt chủ trương; phê duyệt dự án; phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công; phê duyệt dự toán...): 01 bản sao. Hồ sơ chỉ gửi đến Quỹ Phát triển đất 01 lần để sử dụng cho nhiều lần ứng vốn của dự án. Trong trường hợp hồ sơ dự án có phát sinh mới hoặc điều chỉnh, sửa đổi thì nộp bổ sung.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trên cơ sở Báo cáo thẩm định do phòng nghiệp vụ lập và được Ban Giám đốc Quỹ duyệt, Quỹ Phát triển đất trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này quyết định ứng vốn cho tổ chức được ứng vốn nếu đủ điều kiện. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện ứng vốn theo quy định, Quỹ có văn bản thông báo và trả lại hồ sơ cho tổ chức đề nghị ứng vốn.

4. Căn cứ quyết định ứng vốn từ Quỹ Phát triển đất của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ Phát triển đất triển khai ký Hợp đồng ứng vốn với tổ chức được ứng vốn.

Quỹ tiến hành lập chứng từ chuyển tiền gửi Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản thanh toán. Quỹ chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của tổ chức, đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của tổ chức được ứng vốn. Chậm nhất 01 ngày làm việc, Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại nơi Quỹ mở tài khoản chuyển tiền cho đối tượng thụ hưởng theo đề nghị của Quỹ Phát triển đất.

5. Việc giải ngân ứng vốn được thực hiện một lần hoặc nhiều lần trên cơ sở tiến độ thực hiện và nhu cầu ứng vốn của từng dự án, nhiệm vụ. Trường hợp thực hiện giải ngân ứng vốn nhiều lần cho cùng một dự án, nhiệm vụ thì tổ chức được ứng vốn có văn bản đề nghị ứng vốn và hồ sơ, tài liệu bổ sung có liên quan đến việc ứng vốn theo từng lần.

6. Trách nhiệm của tổ chức được ứng vốn

a) Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hồ sơ, tài liệu đề nghị ứng vốn, tài khoản nhận vốn ứng.

b) Sử dụng vốn ứng để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 10 Điều lệ này đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật và chịu trách

nhiệm về việc sử dụng vốn ứng theo quy định của pháp luật. Không sử dụng vốn ứng thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 10 Điều lệ này vào mục đích khác.

c) Báo cáo kết quả sử dụng vốn ứng cho Quỹ Phát triển đất trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc sử dụng vốn ứng cho nội dung đã đề nghị.

d) Thực hiện trả chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ Phát triển đất theo quy định tại Điều 13 Điều lệ này.

đ) Thông báo cho cơ quan, người có thẩm quyền ban hành Quyết định hoàn trả vốn ứng cho Quỹ Phát triển đất và thực hiện hoàn trả vốn ứng cho Quỹ Phát triển đất theo quy định tại Điều 14 Điều lệ này.

7. Quỹ Phát triển đất có trách nhiệm kiểm tra đối với việc sử dụng vốn ứng từ Quỹ và thu hồi vốn ứng theo quy định.

Điều 13. Chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ Phát triển đất

1. Mức chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ bằng mức lãi suất áp dụng đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của Kho bạc Nhà nước tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong cùng thời kỳ.

2. Nguồn hoàn trả chi phí quản lý vốn ứng được tính trong chi phí khác thuộc tổng mức đầu tư của dự án hoặc bố trí trong dự toán chi đầu tư phát triển khác của nhiệm vụ được giao ứng vốn.

3. Chi phí quản lý vốn ứng được hoàn trả trước hoặc cùng thời gian hoàn trả vốn ứng.

Điều 14. Hoàn trả vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng cho Quỹ

1. Hoàn trả vốn, chi phí quản lý vốn ứng từ nguồn vốn của dự án

a) Đơn vị, tổ chức được ứng vốn lập hồ sơ đề nghị hoàn trả vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng cho Quỹ, gửi Kho bạc Nhà nước nơi tổ chức được ứng vốn mở tài khoản. Hồ sơ gồm:

- Giấy đề nghị hoàn trả vốn ứng cho Quỹ (trong đó nêu rõ số tiền ứng vốn từ Quỹ chưa hoàn trả, thời hạn ứng): 02 bản chính;

- Giấy rút vốn theo mẫu quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP: 02 bản chính. Đối với trường hợp gửi hồ sơ qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước, các thành phần hồ sơ phải được ký số theo quy định;

- Quyết định ứng vốn từ Quỹ; Quyết định giao kế hoạch vốn hằng năm của dự án (trong đó có số tiền hoàn trả vốn ứng cho Quỹ): 01 bản sao;

- Biên bản xác định vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng phải trả của Quỹ và tổ chức ứng vốn: 01 bản chính;

- Quyết định hoàn trả vốn ứng cho Quỹ của tổ chức ứng vốn được phê duyệt: 01 bản chính.

b) Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Kho bạc Nhà nước kiểm soát tính hợp pháp của hồ sơ do tổ chức được ứng vốn gửi; trường hợp đảm bảo đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước chuyển tiền cho Quỹ; trường hợp không đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước từ chối chuyển tiền.

Các nội dung khác về quy trình thủ tục giao dịch tại Kho bạc Nhà nước thực hiện theo quy định của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

c) Việc quyết toán dự án hoàn thành, thực hiện theo quy định của pháp luật về quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

2. Hoàn trả vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng trong trường hợp còn lại (không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này):

a) Căn cứ vào số tiền ứng vốn chưa hoàn trả cho Quỹ (bao gồm cả số tiền ứng vốn của kỳ trước nếu có và chi phí quản lý vốn ứng), thời hạn ứng và phương án hoàn trả vốn ứng cho Quỹ, tổ chức được ứng vốn báo cáo cấp có thẩm quyền của địa phương, để bố trí trong dự toán ngân sách chi đầu tư phát triển khác của cấp tương ứng để hoàn trả vốn ứng cho Quỹ.

b) Nguồn hoàn trả vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng cho Quỹ được bố trí trong dự toán chi đầu tư phát triển khác. Việc lập, thẩm định, phê duyệt dự toán ngân sách được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách Nhà nước.

c) Căn cứ dự toán ngân sách được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, tổ chức được ứng vốn lập hồ sơ đề nghị hoàn trả vốn ứng cho Quỹ, gửi Kho bạc Nhà nước. Hồ sơ gồm:

- Giấy đề nghị hoàn trả vốn ứng (trong đó nêu rõ số tiền ứng vốn từ Quỹ chưa hoàn trả, thời hạn ứng): 02 bản chính;

- Giấy rút vốn theo mẫu quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP: 02 bản chính. Đối với trường hợp gửi hồ sơ qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước, các thành phần hồ sơ phải được ký số theo quy định;

- Quyết định giao dự toán ngân sách của cơ quan, người có thẩm quyền: 01 bản sao;

- Biên bản xác định vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng phải trả của Quỹ Phát triển đất và tổ chức ứng vốn: 01 bản chính;

- Quyết định hoàn trả vốn ứng của cơ quan, người có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ: 01 bản chính.

d) Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm c khoản này, Kho bạc Nhà nước kiểm soát tính hợp pháp của hồ sơ; trường hợp đảm bảo đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước chuyển tiền cho Quỹ; trường hợp không đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước từ chối chuyển tiền.

Các nội dung khác về quy trình thủ tục giao dịch tại Kho bạc Nhà nước thực hiện theo quy định của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

đ) Tổ chức được ứng vốn thực hiện quyết toán số tiền hoàn trả vốn ứng cho Quỹ cùng với quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm.

3. Trường hợp số tiền đã ứng nhưng chưa sử dụng hết (nếu có) phải hoàn trả cho Quỹ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hoàn thành việc sử dụng vốn ứng cho nội dung đã đề nghị nhưng không sử dụng hết.

4. Thời gian hoàn trả vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Quỹ và tổ chức được ứng vốn lập biên bản xác định số dư nợ vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng.

5. Trách nhiệm của các tổ chức liên quan đến quản lý, sử dụng, hoàn trả vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng.

a) Tổ chức nhận vốn ứng: Quản lý, sử dụng vốn ứng đúng mục đích, có trách nhiệm hoàn trả vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng theo đúng cam kết.

b) Kho bạc Nhà nước: Kiểm tra, kiểm soát, giám sát việc sử dụng vốn ứng và hoàn trả vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng cho Quỹ theo quy định.

Đối với các dự án ứng vốn từ Quỹ khi có nguồn hoàn trả từ dự án, Kho bạc Nhà nước chỉ được thanh toán cho các công trình, hạng mục khác sau khi tổ chức ứng vốn hoàn trả đầy đủ vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng cho Quỹ.

c) Quỹ Phát triển đất: Thông báo số vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng phải trả đến các tổ chức ứng vốn và Kho bạc Nhà nước (nơi tổ chức nhận vốn ứng mở tài khoản) để giám sát, thực hiện.

Điều 15. Gia hạn, xử lý rủi ro vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng

1. Gia hạn vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng

a) Điều kiện gia hạn vốn ứng: Vì lý do khách quan làm chậm tiến độ dự án/nhiệm vụ, dẫn đến hoàn trả vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng không đúng thời gian cam kết. Tổ chức được ứng vốn có văn bản đề nghị gia hạn, trong đó

báo cáo chi tiết nguyên nhân chậm trả, gửi về Quỹ trước thời gian đến hạn hoàn trả ghi trong quyết định ứng vốn.

b) Thẩm quyền và thời gian gia hạn: Quỹ căn cứ văn bản đề nghị của tổ chức được ứng vốn, kiểm tra nội dung liên quan đến nguyên nhân chậm trả và trình Hội đồng quản lý xem xét, quyết định gia hạn. Thời gian gia hạn không quá thời gian thực hiện dự án/nhiệm vụ.

2. Xử lý rủi ro vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng

Trường hợp xảy ra thiên tai, dịch họa hoặc lý do khách quan khác, làm ảnh hưởng đến việc hoàn trả vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng. Giám đốc Quỹ báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ và phối hợp với các sở, ngành báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

Điều 16. Chế tài xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng và hoàn trả vốn ứng

Các dự án/nhiệm vụ sử dụng vốn ứng từ Quỹ sai quy định; hoàn trả vốn ứng, chi phí quản lý ứng vốn không đúng thời gian cam kết mà không thuộc đối tượng quy định tại Điều 15 Điều lệ này thì Quỹ dừng ngay việc giải ngân vốn ứng đối với tất cả các dự án/nhiệm vụ có trong Kế hoạch ứng vốn mà tổ chức đó được giao làm chủ đầu tư, đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét xử lý trách nhiệm theo quy định.

Điều 17. Hoạt động nhận ủy thác của Quỹ Phát triển đất

Quỹ Phát triển đất được nhận ủy thác quản lý quỹ tài chính Nhà nước khác của địa phương theo quy định. Việc nhận ủy thác của Quỹ Phát triển đất thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP.

Chương IV

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN VÀ BÁO CÁO

Điều 18. Chế độ tài chính và quản lý, sử dụng tài sản của Quỹ Phát triển đất

1. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2. Chế độ tài chính của Quỹ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP.

3. Đất trụ sở của Quỹ thực hiện theo chế độ sử dụng đất áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 19. Các khoản thu, chi của Quỹ Phát triển đất

1. Các khoản thu gồm:

a) Khoản thu từ chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ theo quy định tại Điều 13 Điều lệ này.

b) Lãi tiền gửi theo quy định của pháp luật.

c) Khoản thu từ việc nhận ủy thác quản lý quỹ khác quy định tại khoản tại Điều 17 Điều lệ này.

d) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản chi gồm:

a) Chi phục vụ hoạt động ứng vốn, thu hồi vốn ứng, quản lý vốn hoạt động của Quỹ.

b) Chi tiền lương, các khoản phụ cấp và các khoản chi khác cho các thành viên Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ theo quy định áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Các khoản nộp ngân sách nhà nước và các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Hội đồng quản lý Quỹ có trách nhiệm ban hành quy chế chi tiêu nội bộ làm căn cứ thực hiện, quản lý việc chi tiêu của Quỹ.

4. Không sử dụng vốn điều lệ của Quỹ Phát triển đất để chi cho các nội dung quy định tại khoản 2, Điều này.

Chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có) sau khi trích lập các quỹ và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định được bổ sung vốn điều lệ của Quỹ.

5. Quỹ có trách nhiệm quyết toán các khoản thu, chi theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Chế độ kế toán, báo cáo

1. Quỹ thực hiện chế độ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán áp dụng cho quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, đảm bảo phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác, khách quan các hoạt động kinh tế, tài chính.

2. Hằng năm, Quỹ có trách nhiệm gửi báo cáo tài chính năm của Quỹ cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

Báo cáo tài chính năm của Quỹ được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật. Thời gian gửi báo cáo chậm nhất là 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Việc kiểm tra, giám sát, kiểm soát, thanh tra và kiểm toán đối với Quỹ được thực hiện theo Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật.

Chương V

MỐI QUAN HỆ VÀ TRÁCH NHIỆM

Điều 21. Mối quan hệ và trách nhiệm giữa Hội đồng quản lý Quỹ, Ban kiểm soát, Giám đốc Quỹ trong điều hành quản lý hoạt động của Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ là cơ quan trực tiếp lãnh đạo hoạt động của Quỹ để đạt được mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh giao thông qua việc ban hành các quy chế, quy định, phê duyệt các nội dung theo thẩm

quyền. Phương thức lãnh đạo bằng Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ trong điều hành các nhiệm vụ cụ thể. Do đó, Quỹ phải thường xuyên báo cáo, xin ý kiến về các vấn đề cụ thể theo Quy chế làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ, tham mưu cho Hội đồng quản lý Quỹ chuẩn bị nội dung và tổ chức các phiên họp của Hội đồng quản lý Quỹ, tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Hoạt động của Quỹ chịu sự kiểm tra, giám sát thường xuyên và định kỳ của Ban kiểm soát Quỹ. Do đó, Quỹ chủ động cung cấp đầy đủ các báo cáo, hồ sơ, chứng từ một cách kịp thời, minh bạch theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Trước các phiên họp của Hội đồng quản lý Quỹ, Quỹ chủ động phối hợp với Ban kiểm soát chuẩn bị các nội dung liên quan đến phiên họp của Hội đồng quản lý Quỹ. Kịp thời tổ chức thực hiện nghiêm túc các kiến nghị sau kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát Quỹ.

Điều 22. Mọi quan hệ và trách nhiệm giữa Quỹ phát triển đất với các cơ quan quản lý nhà nước

1. Với Hội đồng nhân dân tỉnh

a) Là mối quan hệ chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh về thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và quy định của pháp luật trong hoạt động của Quỹ.

b) Quỹ có trách nhiệm cung cấp đầy đủ số liệu, báo cáo tình hình tài chính, hoạt động của Quỹ theo yêu cầu.

2. Với Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Là mối quan hệ chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh giao thuộc chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của Quỹ.

b) Quỹ có trách nhiệm thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo về tình hình tài chính, hoạt động của Quỹ định kỳ hoặc đột xuất theo quy định.

3. Với các sở, ban, ngành

a) Là mối quan hệ phối hợp thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao của mỗi bên trên tinh thần hợp tác nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao, phục vụ sự phát triển chung của tỉnh.

b) Quỹ có trách nhiệm cung cấp thông tin theo yêu cầu quản lý của các cơ quan đơn vị đối với các nội dung công việc có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao.

c) Quỹ chịu sự kiểm tra, giám sát của một số cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành đối với hoạt động của Quỹ theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 23. Mọi quan hệ giữa Quỹ Phát triển đất và các Tổ chức ứng vốn

Các Tổ chức nhận vốn ứng được xem như khách hàng trong đối tượng phục vụ của Quỹ. Do đó, Quỹ thường xuyên gắn kết, phổ biến thông tin kịp thời về các quy định, các cơ chế, chính sách, kế hoạch ứng vốn... để các Tổ chức được

ứng vốn biết, phối hợp thực hiện. Quá trình ứng vốn và thu hồi vốn ứng phải thực hiện theo đúng các quy định trong Điều lệ này và pháp luật có liên quan. Quan hệ giữa Quỹ và các Tổ chức ứng vốn phải được xác lập bằng hợp đồng gắn với việc tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện hợp đồng và sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả. Kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý nếu phát hiện Tổ chức ứng vốn vi phạm quy định về sử dụng vốn và hoàn trả vốn ứng.

Chương VI

XỬ LÝ TRANH CHẤP, GIẢI THỂ QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT

Điều 24. Xử lý tranh chấp

Mọi tranh chấp giữa Quỹ với pháp nhân và thể nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Quỹ được xử lý theo pháp luật hiện hành.

Điều 25. Giải thể Quỹ phát triển đất

1. Trường hợp không cần thiết phải duy trì Quỹ thì cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ báo cáo Hội đồng quản lý trình Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng giải thể để tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh về phương án và tổ chức thực hiện giải thể Quỹ.

2. Quy trình giải thể Quỹ được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP.

Điều 26. Trách nhiệm của Quỹ phát triển đất và trách nhiệm của Hội đồng giải thể sau khi có quyết định giải thể

1. Trách nhiệm của Quỹ phát triển đất: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm của Hội đồng giải thể: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Xử lý chuyển tiếp

1. Các khoản ứng vốn đã được phê duyệt nhưng chưa giải ngân và hoàn trả vốn đã ứng, chi phí quản lý vốn ứng phát sinh trước ngày 01 tháng 8 năm 2024, thì tiếp tục thực hiện theo chủ trương, quyết định, đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Các khoản đã ứng vốn, chi phí quản lý vốn ứng (nếu có) theo dự án/nhiệm vụ chưa bố trí nguồn hoàn trả, các đơn vị ứng vốn lập dự toán báo cáo cấp có thẩm quyền để hoàn trả vốn theo quy định.

Điều 28. Quy trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, Quý rà soát, tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung Điều lệ cho phù hợp với quy định của pháp luật và thực tế hoạt động của Quý.

Điều 29. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2025.
2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Điều lệ này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.
3. Các tổ chức, cá nhân lợi dụng chức vụ, quyền hạn nhằm trục lợi; tham ô, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; cố ý làm trái gây thất thoát tiền và tài sản của Nhà nước trong hoạt động của Quý Phát triển đất thì tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật./.


**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày..... tháng.....năm 202...

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua kiện toàn tổ chức bộ máy; mức vốn điều lệ và
Điều lệ tổ chức, hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHOẢ....., KỲ HỌP THỨ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

*Căn cứ Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của
Chính phủ quy định về Quỹ Phát triển đất;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày.....tháng ... năm 202... của Ủy ban
nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành
Nghị quyết thông qua kiện toàn tổ chức bộ máy; mức vốn điều lệ và Điều lệ tổ
chức, hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của
Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng
nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kiện toàn tổ chức bộ máy; mức vốn điều lệ và Điều lệ tổ chức,
hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên với các nội dung chính như sau:

1. Tổ chức bộ máy

a) Địa vị pháp lý và tư cách pháp nhân

Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên là quỹ tài chính nhà nước ngoài
ngân sách, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên và do Ủy ban nhân dân
tỉnh Thái Nguyên quyết định thành lập, hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước,
không vì mục đích lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn. Quỹ Phát triển đất có tư
cách pháp nhân, có con dấu, có tài khoản, hạch toán độc lập, có vốn điều lệ.

b) Cơ cấu tổ chức bộ máy gồm:

- Hội đồng quản lý Quỹ có 05 thành viên, gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và 03 thành viên; hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

- Ban kiểm soát Quỹ có 03 thành viên, gồm: Trưởng ban và 02 thành viên; hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

- Cơ quan điều hành nghiệp vụ gồm: Giám đốc, không quá 02 Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và không quá 03 phòng (thực hiện chức năng hành chính và nghiệp vụ Quỹ); hoạt động theo chế độ chuyên trách. Người làm việc tại cơ quan điều hành nghiệp vụ là viên chức.

c) Mô hình hoạt động

Quỹ phát triển đất tỉnh Thái Nguyên hoạt động theo mô hình độc lập.

2. Mức vốn điều lệ

- Vốn điều lệ: 1.008.734.400.897 đồng (*Một nghìn không trăm linh tám tỷ bảy trăm ba mươi bốn triệu bốn trăm nghìn tám trăm chín mươi bảy đồng*).

- Vốn điều lệ được bổ sung hằng năm từ nguồn chênh lệch thu lớn hơn chi của Quỹ sau khi trích lập các quỹ và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật hoặc được cấp từ nguồn chi đầu tư phát triển của ngân sách địa phương (nếu có). Căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định mức vốn điều lệ bổ sung cấp cho Quỹ Phát triển đất.

- Quỹ Phát triển đất được mở tài khoản gửi tại Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên, Ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn tỉnh để quản lý vốn điều lệ của Quỹ.

3. Điều lệ tổ chức, hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên

a) Điều lệ tổ chức, hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên gồm các nội dung cơ bản sau:

- Tên gọi và nơi đặt trụ sở chính.
- Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân, chức năng, nguyên tắc hoạt động, người đại diện theo pháp luật.
- Nguồn vốn hoạt động.
- Nhiệm vụ, quyền hạn.
- Cơ cấu tổ chức và mô hình hoạt động.
- Số lượng, thành phần, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, Cơ quan điều hành nghiệp vụ; chế độ làm việc của Hội đồng quản lý.
- Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đối với các chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Quỹ Phát triển đất. Việc tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh hoạt động chuyên trách của Quỹ Phát triển đất.

- Việc quản lý vốn điều lệ và vốn huy động hợp pháp khác của Quỹ Phát triển đất tại Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn.

- Thẩm quyền, quy trình lập, tổng hợp, phê duyệt Kế hoạch ứng vốn từ Quỹ Phát triển đất; thẩm quyền quyết định ứng vốn từ Quỹ Phát triển đất; chế tài xử lý các vi phạm trong việc sử dụng, hoàn trả vốn ứng.

- Chế độ tài chính, quản lý tài sản, kế toán và kiểm toán.

- Mọi quan hệ và trách nhiệm giữa Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát và Giám đốc trong quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ Phát triển đất, giữa Quỹ Phát triển đất với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, giữa Quỹ Phát triển đất các tổ chức được ứng vốn.

- Các nội dung khác nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý Quỹ Phát triển đất.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa...., Kỳ họp thứ thông qua ngày.....tháng năm 202...../.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV;
- Kiểm toán nhà nước Khu vực X;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Thái Nguyên, Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn